

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Thùy Dương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Thùy Dương

Mã SV: 1412401035

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (Về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.
 - ✓ Đánh giá ưu, khuyết điểm cơ bản trong tổ chức công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định KQKD nói riêng làm cơ sở để đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ✓ Sử dụng số liệu năm 2017 phục vụ công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 05 tháng 09 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 01 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Vũ Thị Thùy Dương

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : Trần Thị Thanh Thảo
Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh
Họ và tên sinh viên : Vũ Thị Thùy Dương Ngành: Kế toán kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.
Nội dung hướng dẫn : Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Vũ Thị Thùy Dương trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dung yêu cầu của bài viết. Hơn nữa sinh viên Dương còn chăm chỉ chịu khó nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu thực tế tại đơn vị thực tập phục vụ cho nội dung bài viết.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo TT200.

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu năm 2017. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách kế toán đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp cử nhân. Từ việc đưa ra số liệu về tình hình thực tế tại công ty bài viết đã phân tích các ưu nhược điểm và đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:.....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu.....	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	7
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	13
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:.....	17
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	21
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	24
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	27
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán.....	29
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM	35
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.....	35
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.....	35
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	37
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.....	47
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Logistics Việt Nam.	47

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.	71
2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.	76
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM.....	87
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.	87
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Hạn chế.....	87
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	88
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	88
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.....	89
3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán	Error! Bookmark
3.4.2 Kiến nghị 2: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí.....	89
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hệ thống các công cụ quản lý thì kế toán là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất. Nó là nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy để Nhà nước điều hành nền kinh tế, kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các ngành, các khu vực.

Trong nền kinh tế hiện nay thì xu hướng tất yếu chung của các nhà đầu tư, các chủ Doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý, năm) mà họ đã bỏ vốn ra để đầu tư kinh doanh, sản xuất. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh để hạch toán nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời, chính xác. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống lao động.

Hệ thống kế toán tại các đơn vị đóng vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với các công ty kinh doanh theo lĩnh vực thương mại thì việc mua bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mang tính cấp thiết.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam” làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty SITC Logistics Việt Nam

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu : tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh

5. Kết cấu của khoá luận

Kết cấu của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương :

- **Chương 1** : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- **Chương 2**: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam
- **Chương 3** : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

– *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu:

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

– Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

** Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu Ghi ché chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- p, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp

- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí
- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

** Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp*

- Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương

tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đối lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

* *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

* *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm cả doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ.

– Nguyên tắc hạch toán: chỉ hạch toán vào tài khoản 511 số Doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ, đã xác định là tiêu thụ. Giá bán được hạch toán là giá bán thực tế, là số tiền ghi trên hóa đơn.

– Kết cấu tài khoản 511

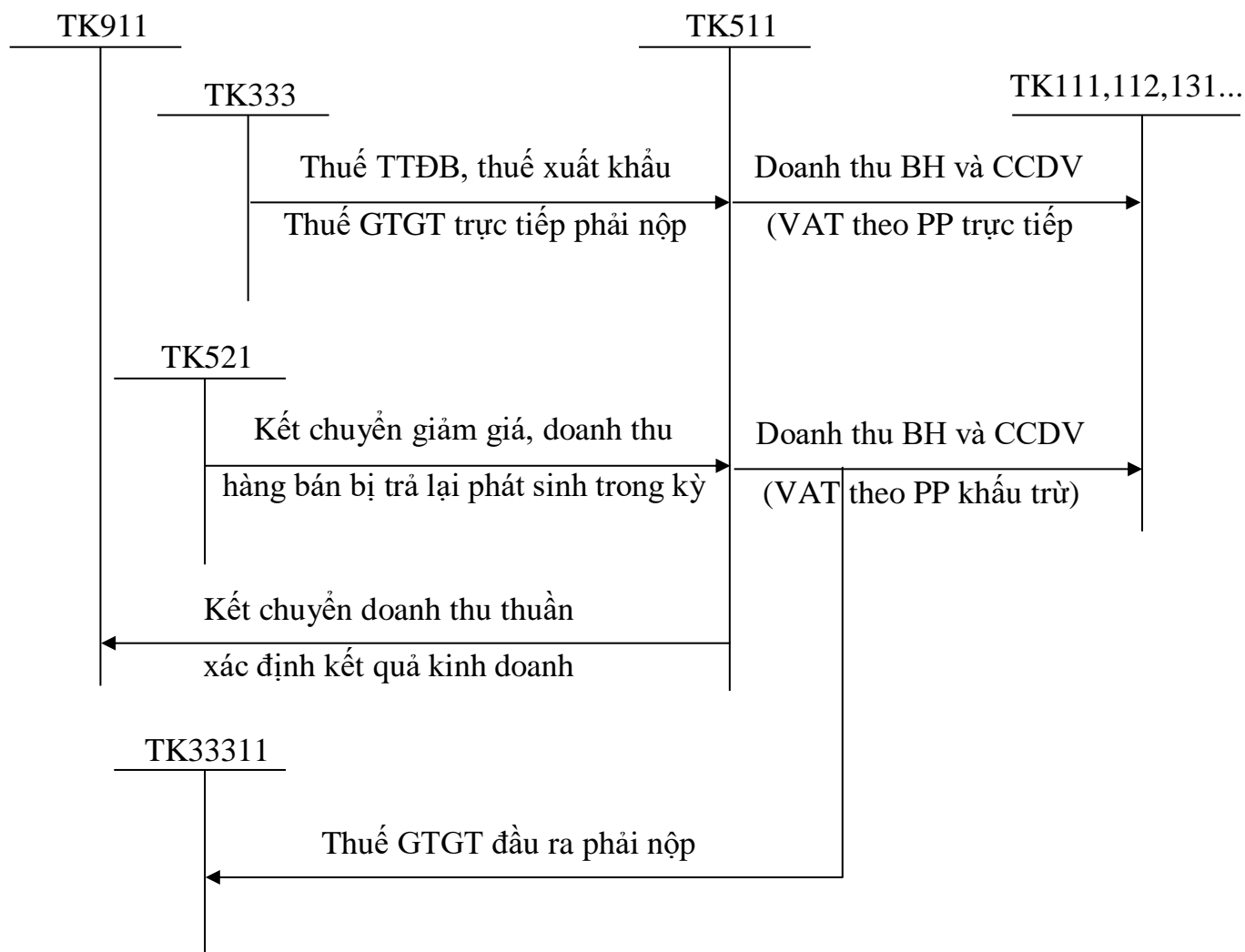
Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán hàng trong kỳ (thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT theo pp trực tiếp) Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu bán hàng bị trả lại Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911”xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán Các khoản doanh thu trợ cấp trợ giá, phụ thu mà doanh nghiệp được hưởng

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + TK 5118: Doanh thu khác

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan
- Biên bản xác nhận giảm giá hàng bán
- Biên bản xác nhận hàng bán bị trả lại, và các chứng từ khác.

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua

hàng mua với số lượng lớn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại mà hai bên đã thống nhất ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua, bán.

Nguyên tắc hạch toán:

Chi hạch toán vào tài khoản này là chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng mức chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần đạt tới số lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại, thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng”

Trường hợp người mua hàng với số lượng lớn đc hưởng CKTM, giá bán phản ánh trên hóa đơn vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ khoản CKTM

Kết cấu TK 5211:

Nợ	TK 5211	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng 	<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán 	

Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm hàng hóa đã tiêu thụ bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy cách..) được doanh nghiệp chấp nhận.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do hàng bị trả lại, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu

trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng bị trả lại trên.

Kết cấu TK 5212:

Nợ	TK 5212	Có
<ul style="list-style-type: none"> Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa bán ra 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ (TK 511)
TK 5212 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận.

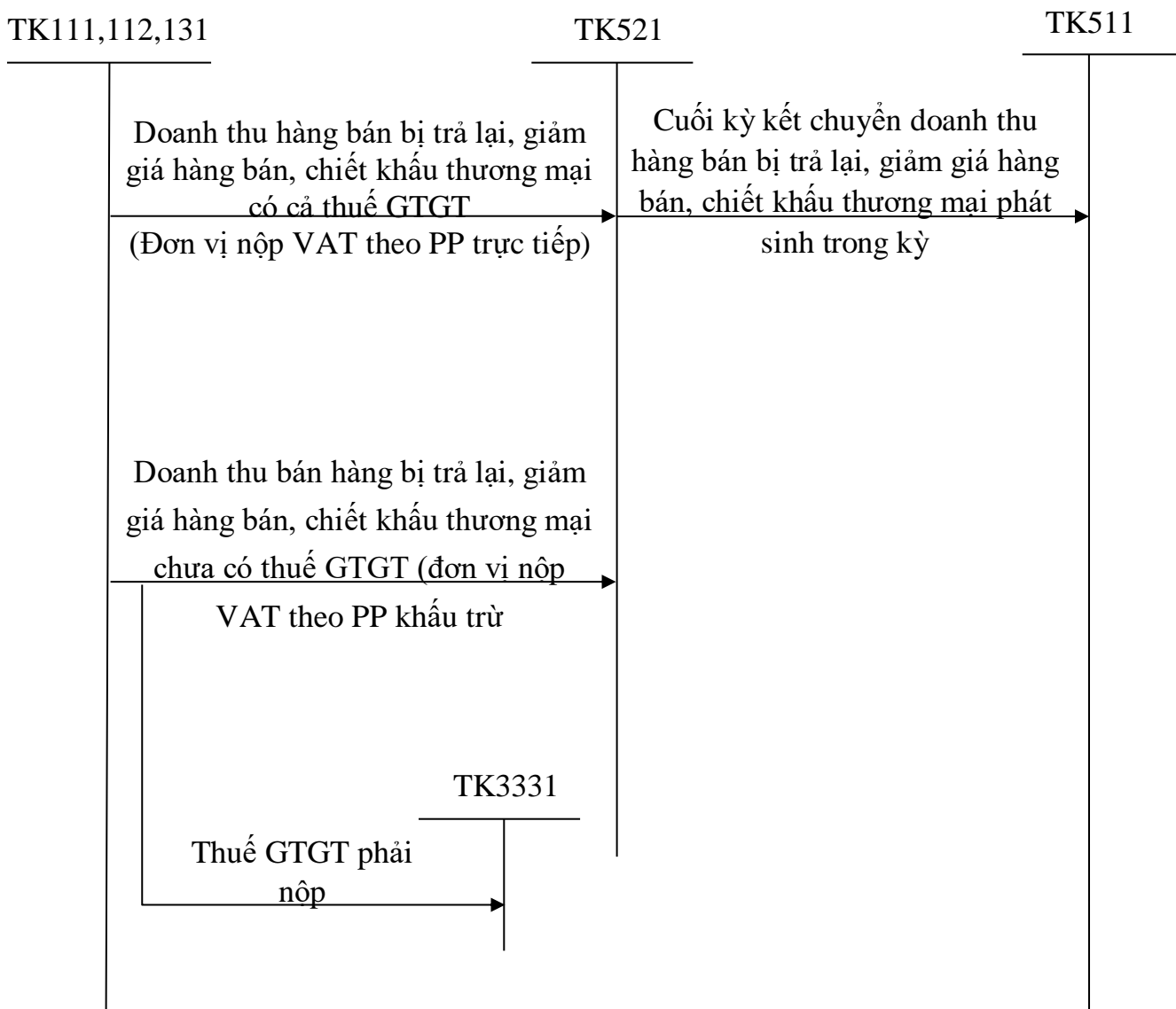
Nguyên tắc hạch toán tài khoản:

Chỉ phản ánh vào tài khoản 5213 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là khi đã có hoá đơn bán hàng

Kết cấu TK 5213:

Nợ	TK5213	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận 		<ul style="list-style-type: none"> Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán trừ vào doanh thu
TK 5213 không có số dư cuối kỳ		

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán:

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

* Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu xuất kho

* Tài khoản sử dụng:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...

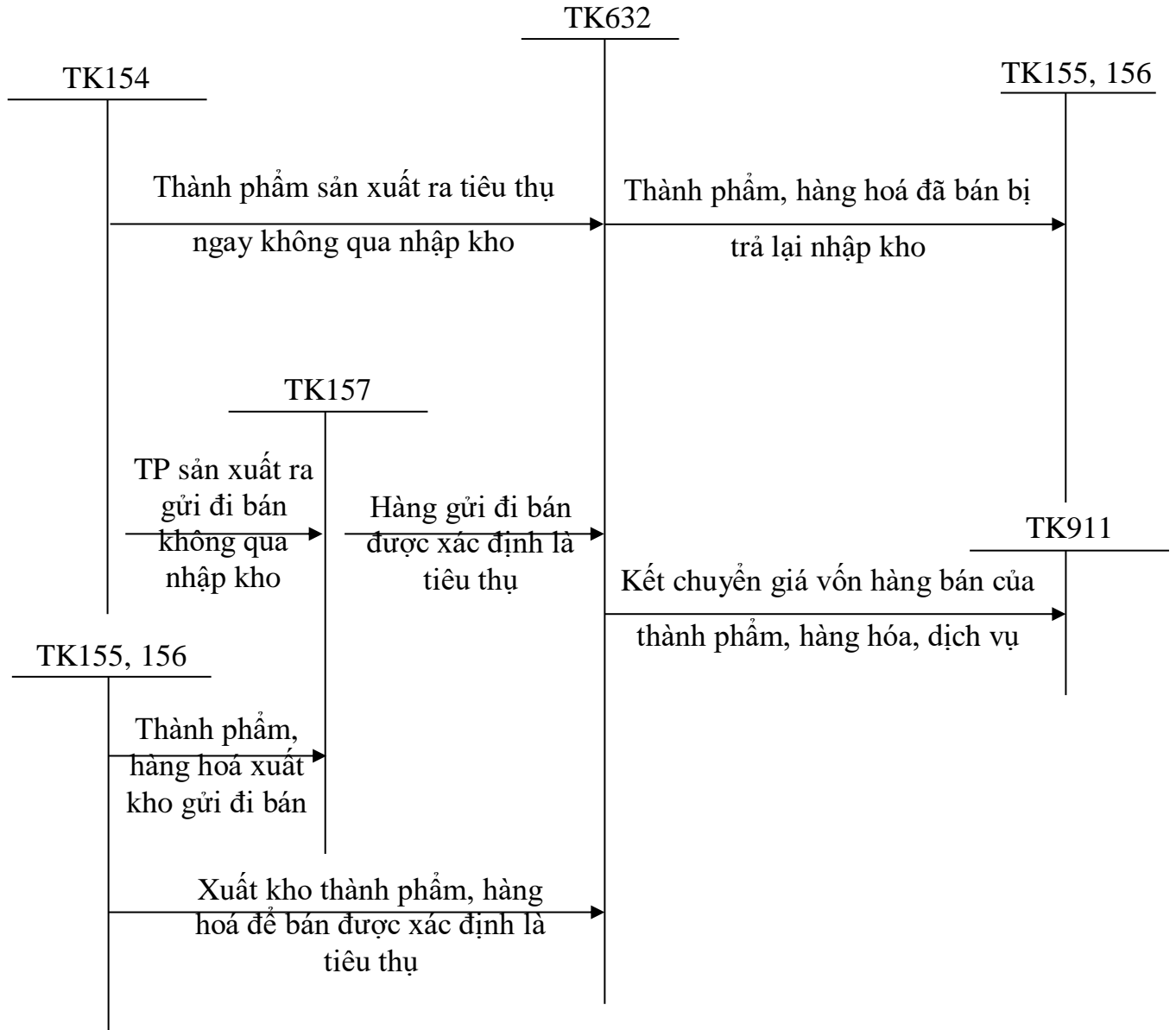
Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư như: chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kế cấu tài khoản :

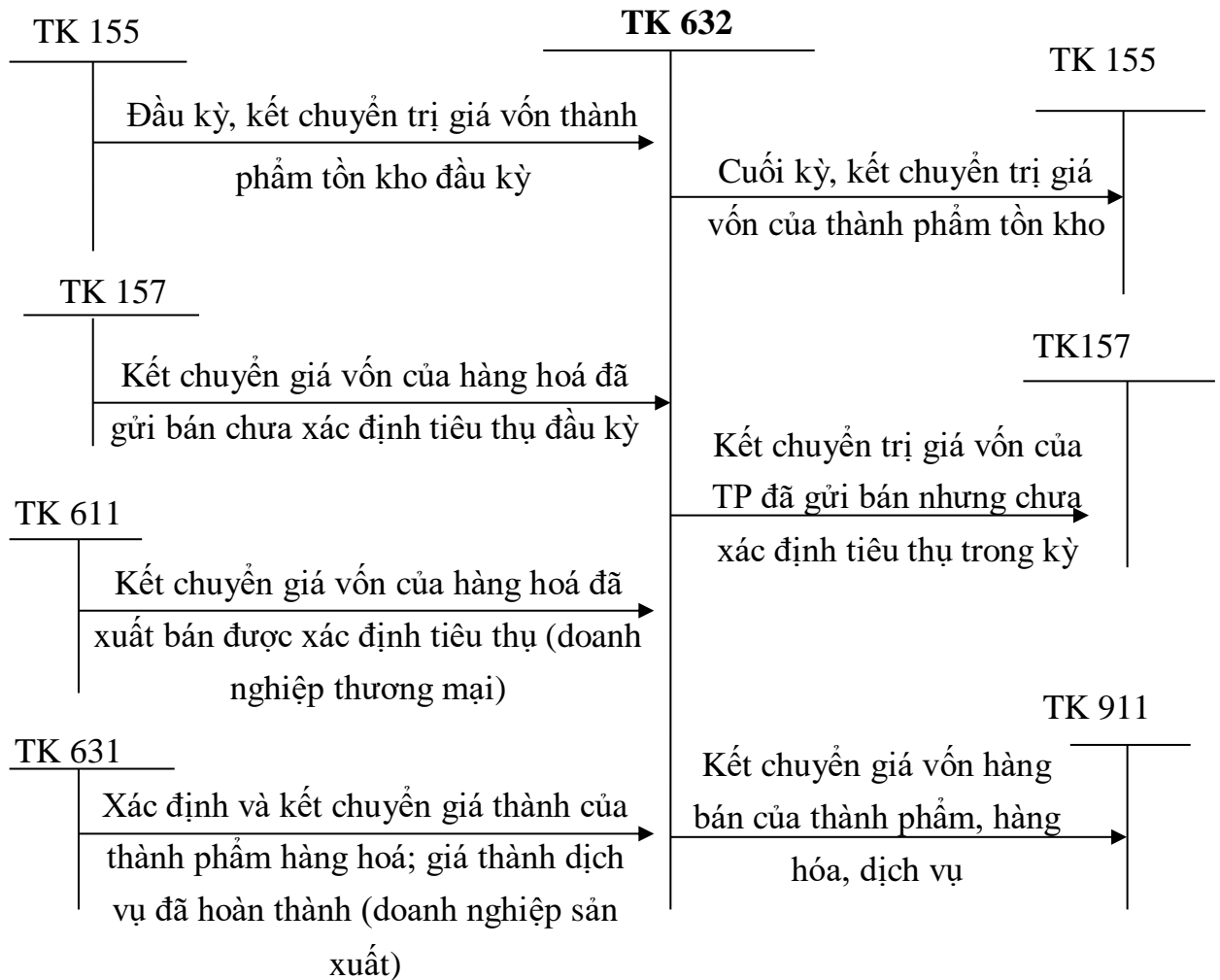
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ. • Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức bình thường, • Chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ • Các hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra • Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn năm trước 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp:

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

- * Chứng từ sử dụng:
- + Hóa đơn thuế GTGT.
- + Phiếu chi, Giấy báo Nợ của Ngân hàng.
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa,, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ bộ phận bán hàng, chi phí thuê kho bãi, đóng gói, vận chuyển giao hàng...

Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641 – Chi phí bán hàng	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng sang TK911

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6411 : Chi phí nhân viên
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác
- + *Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

* Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT.
- + Phiếu chi.
- + Giấy báo nợ
- + Bảng kê thanh toán tạm ứng

+ Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý doanh nghiệp gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản:

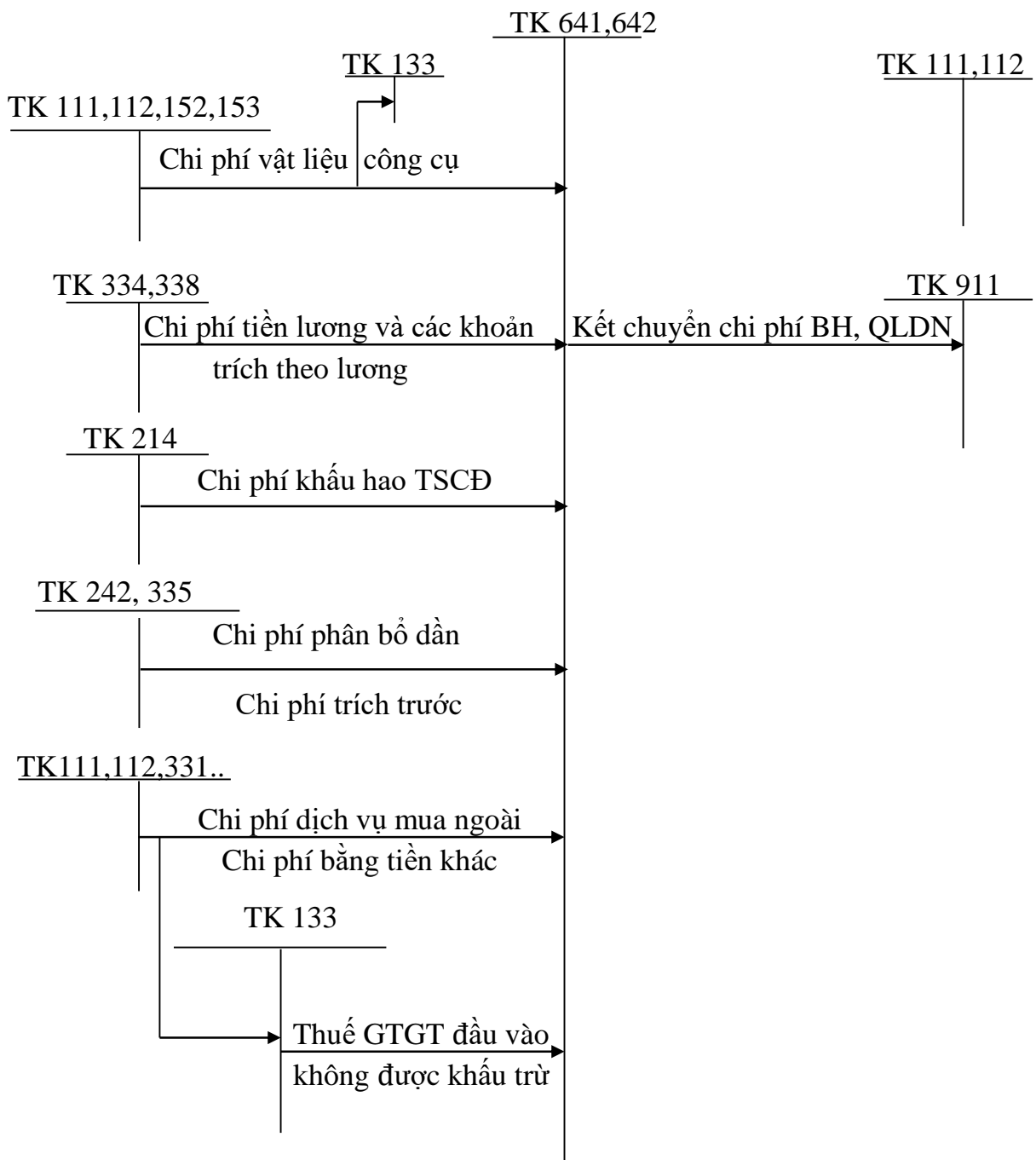
Nợ	TK 642 – Chi phí QLDN	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ • Trích lập và trích lập thêm khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản ghi giảm chi phí QLDN • Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả • Kết chuyển chi phí QLDN vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản cấp 2:

- + TK 6421: chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

* *Phương pháp hạch toán CPBH, CP QLDN*



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Các chứng từ có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

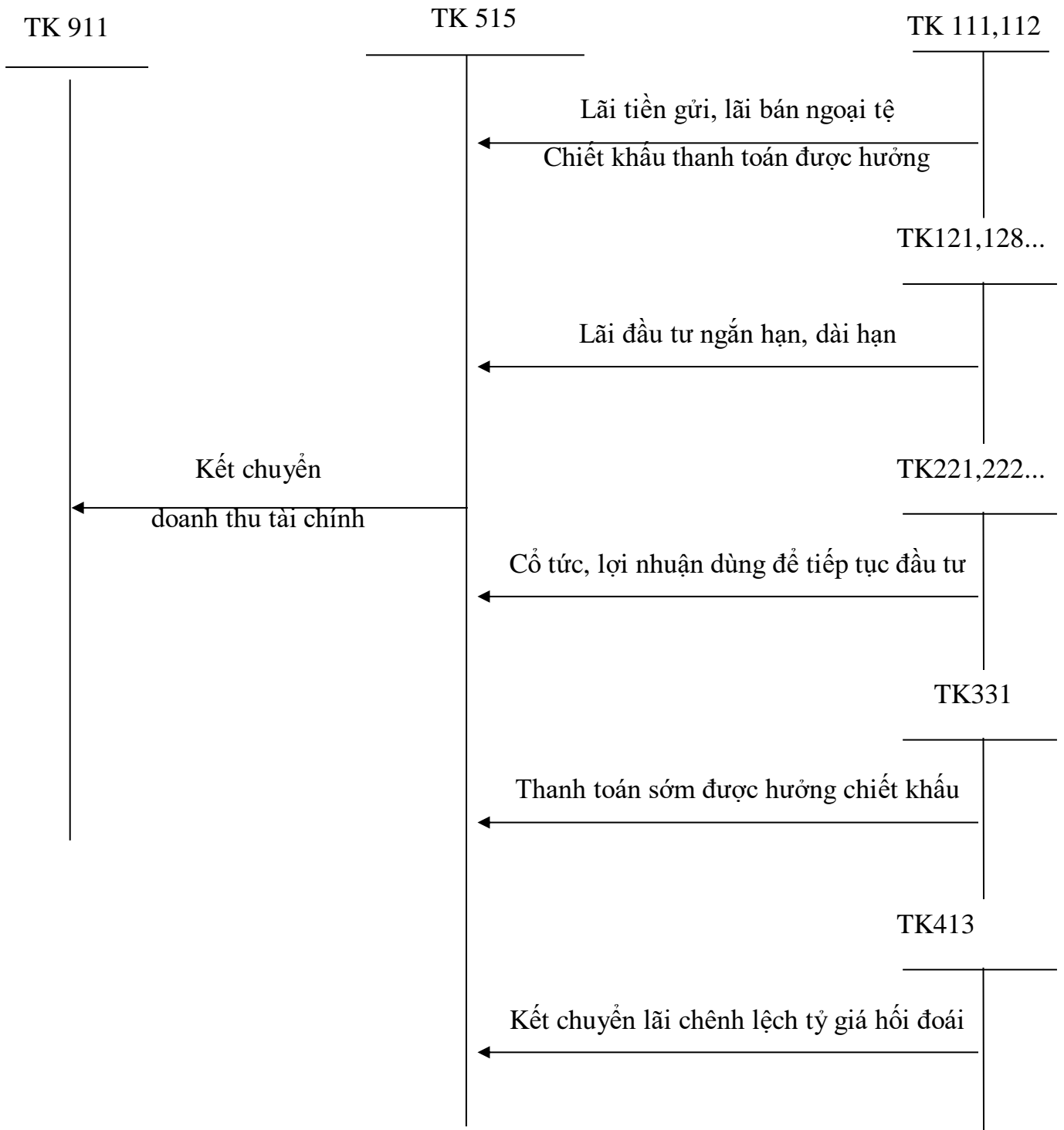
Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu do hoạt động tài chính mang lại như: lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ, lợi nhuận được chia từ đầu tư cổ phiếu, thu nhập về từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515 – Doanh thu HĐTC	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp theo pp trực tiếp (nếu có) • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 – xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ • Chiết khấu thanh toán được hưởng

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động kinh doanh



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính tài chính

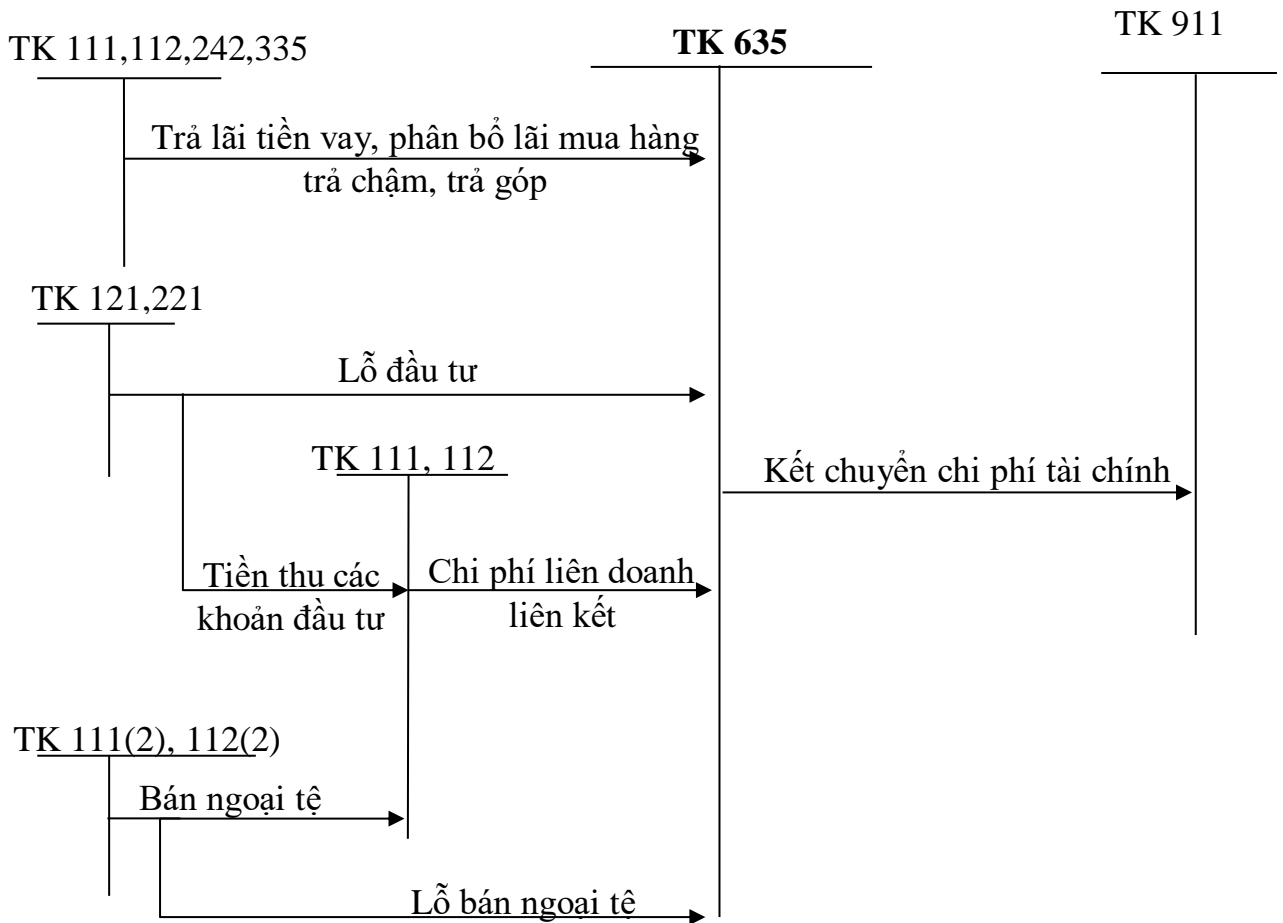
Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.....

Kế cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> • Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

* *Phương pháp hạch toán chi phí tài chính*



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

* *Chứng từ sử dụng:*

- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

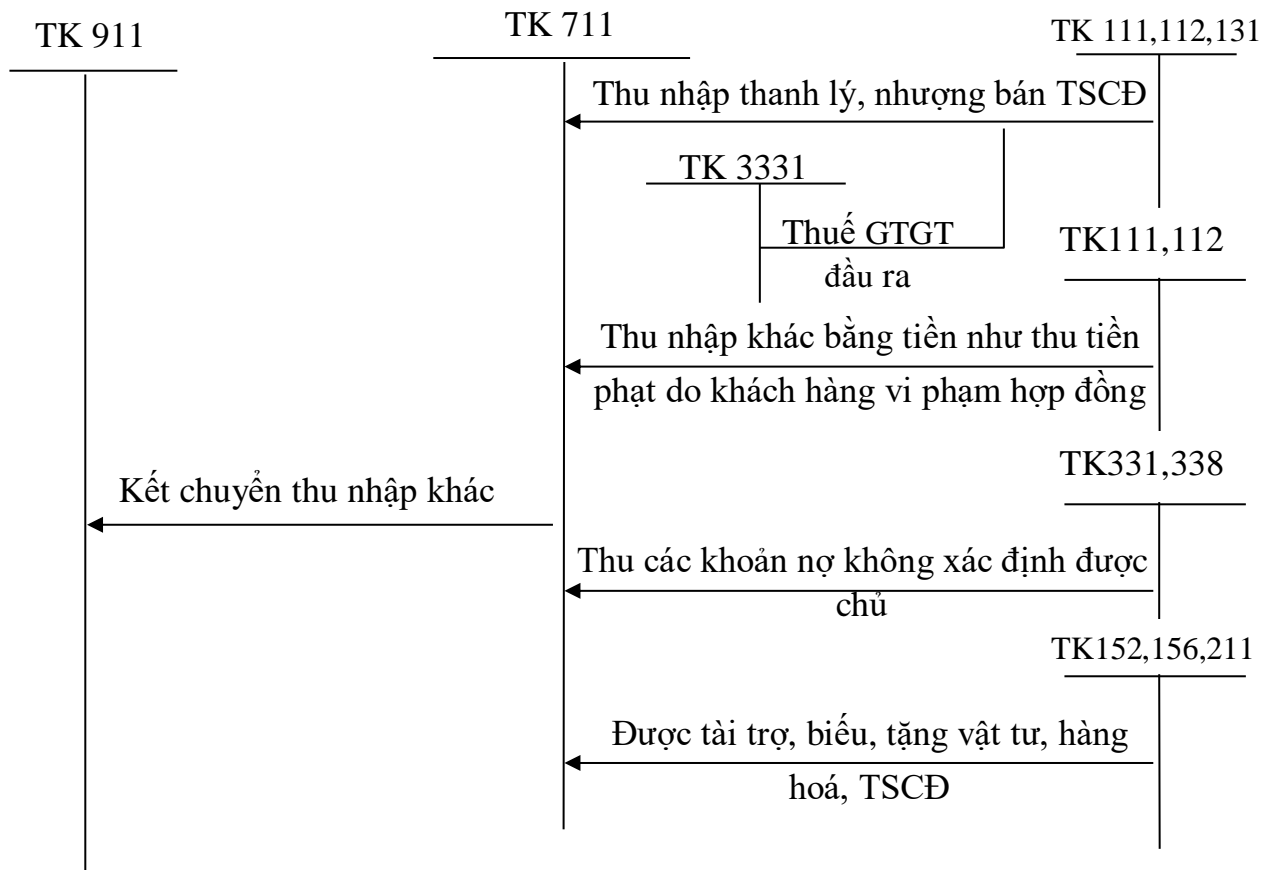
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711 – Thu nhập khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác • Kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh 	

TK 711 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

Tài khoản 811 – Chi phí khác:

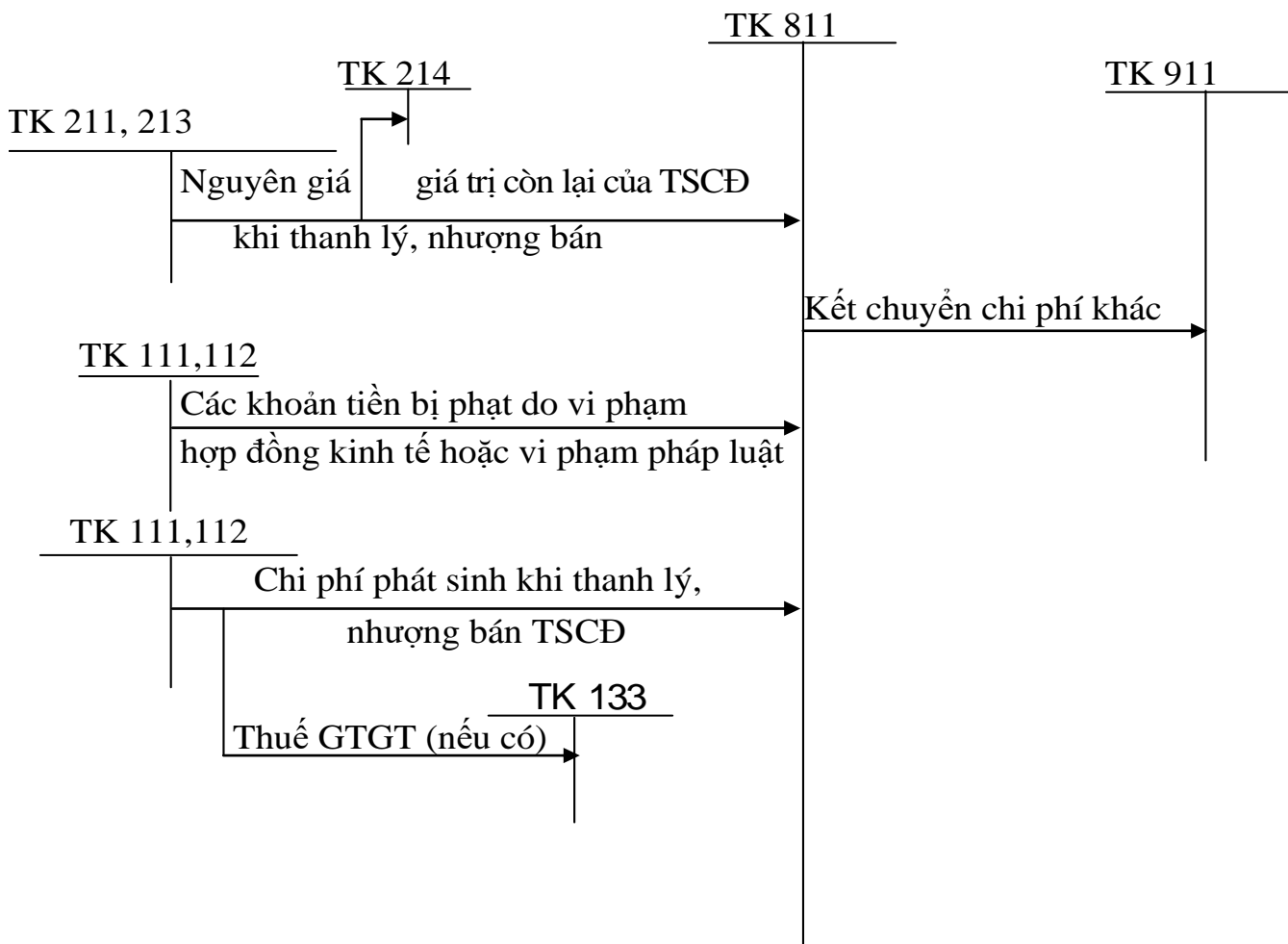
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK811 – Chi phí khác	Có
<ul style="list-style-type: none"> Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác trong kỳ vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

** Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu kế toán
- + Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- + Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- + Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- + Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kế cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821 – CP thuế TNDN hiện hành	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm • CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK911 – xác định kết quả kinh doanh
TK 821 không có số dư cuối kỳ		

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 911 – xác định KQKD	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí QLDN, chi phí khác • Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> • Tổng Doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ. • Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác • Kết chuyển Lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

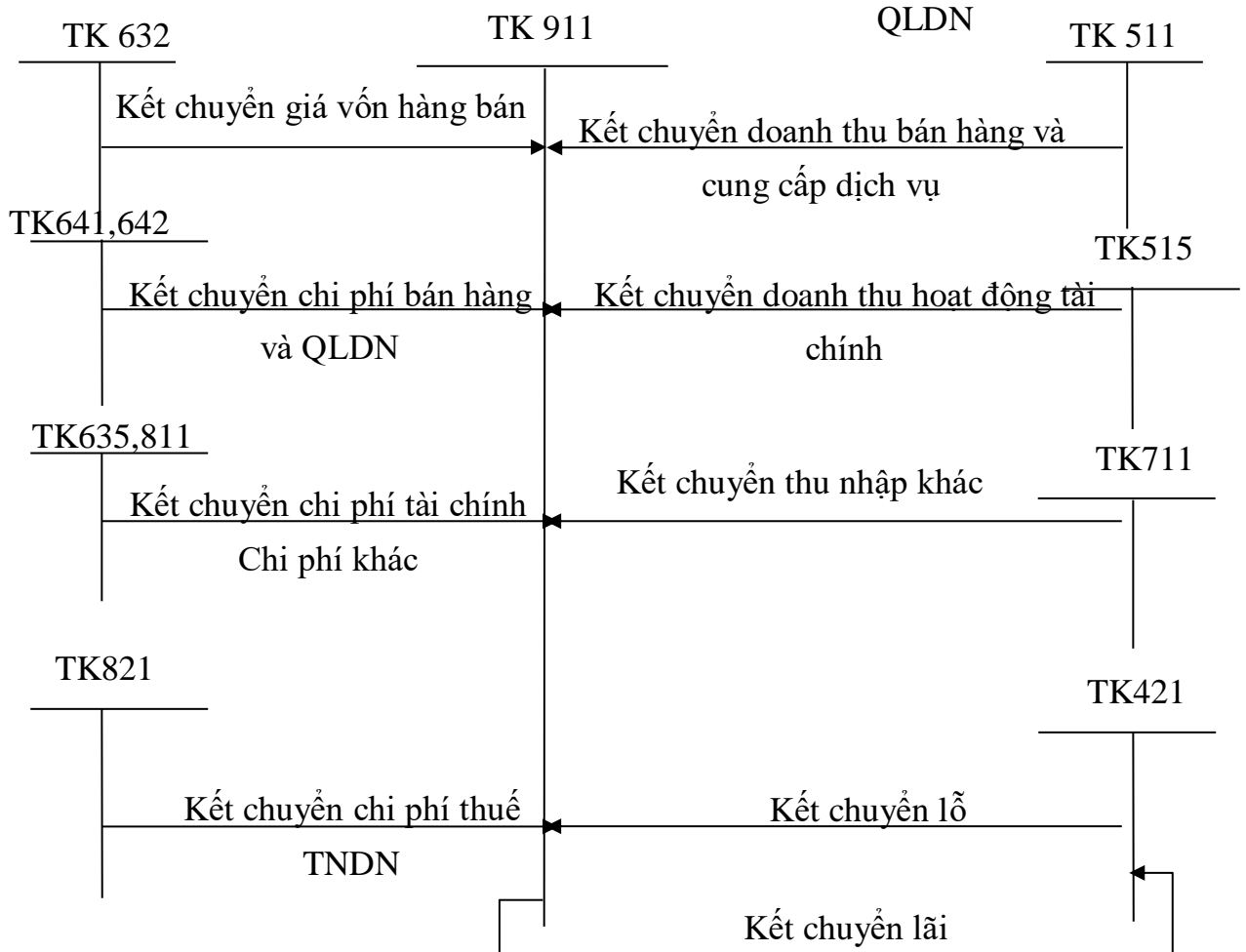
Nợ	TK 421 – LNST chưa phân phối	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp • Trích lập các quỹ của doanh nghiệp • Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu • Bổ sung vốn đầu tư của CSH 		<ul style="list-style-type: none"> • Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ • Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản cấp 2:

- + TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

* Phương pháp hạch toán

Kết chuyển chi phí BH,



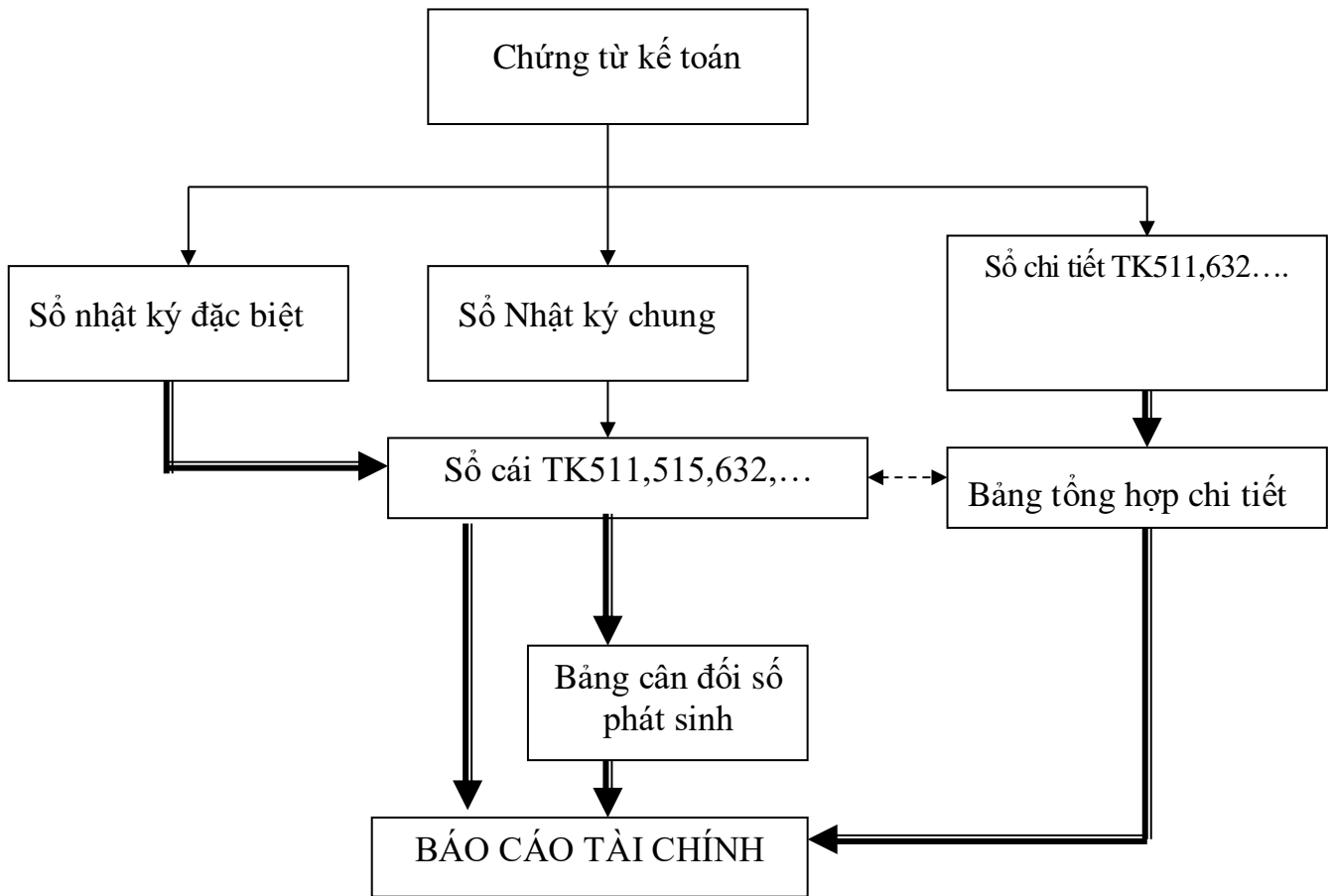
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo các hình thức kế toán

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo TT 200/2014 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

* Hình thức kế toán Nhật ký chung

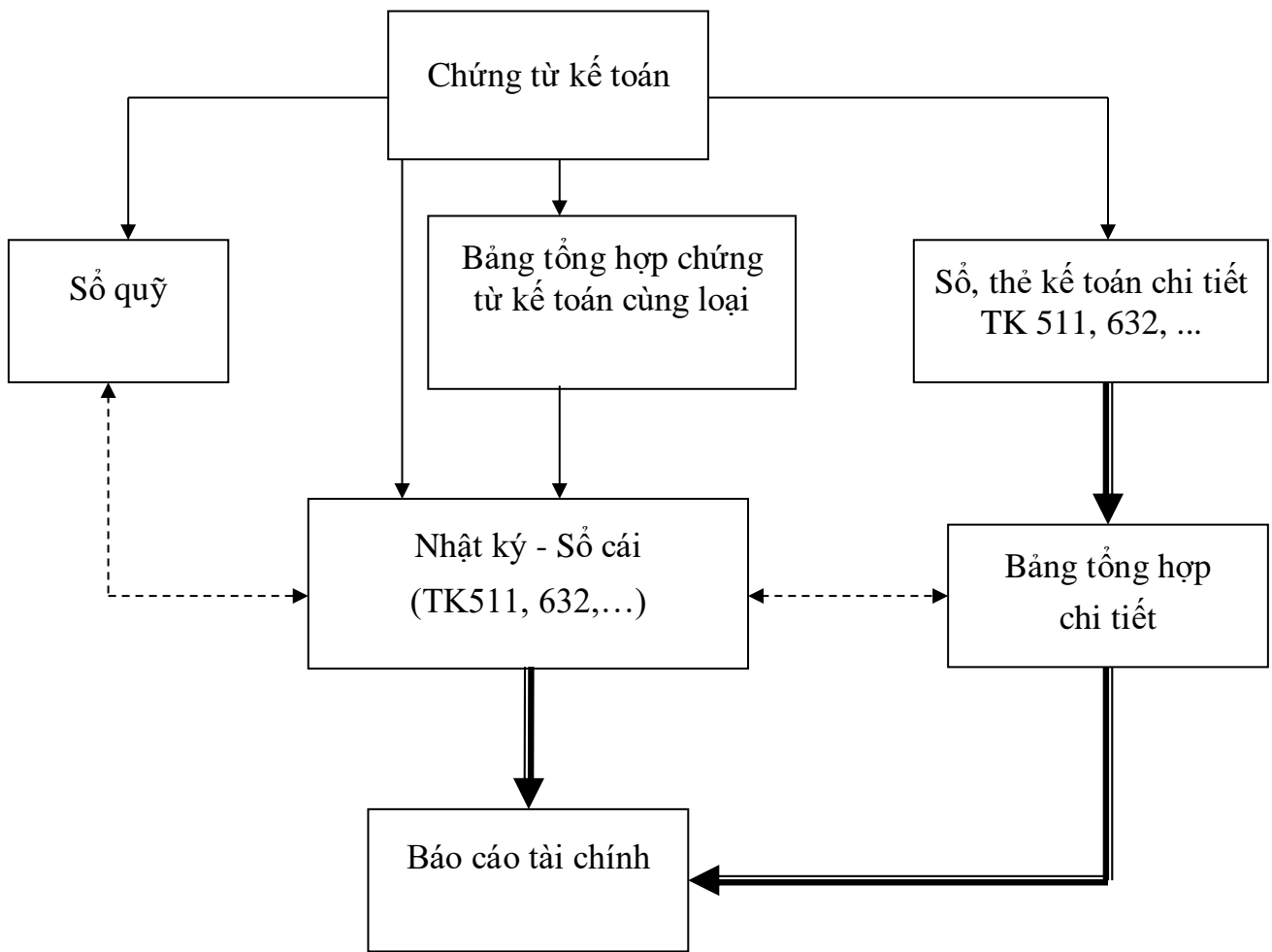


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

* Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

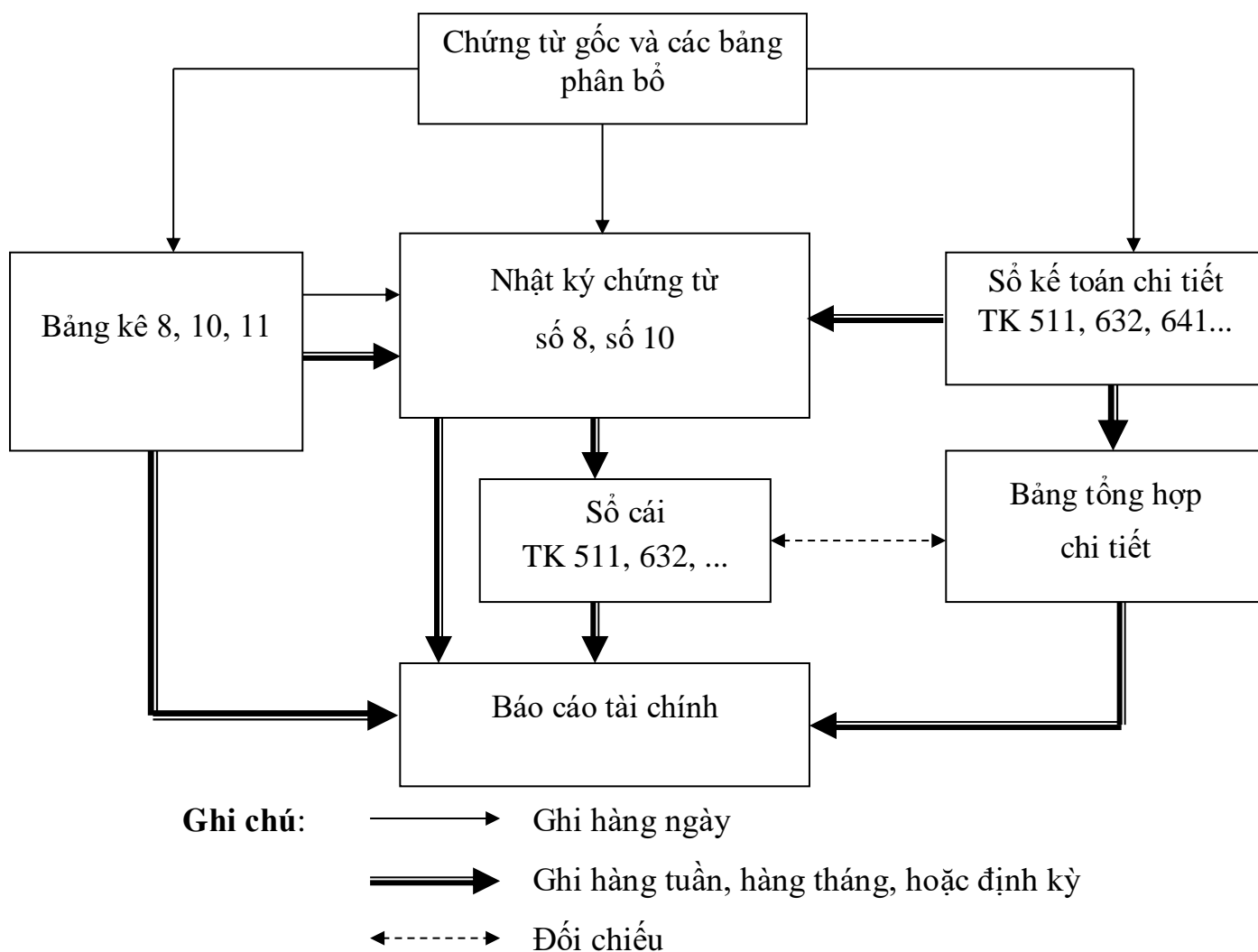


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

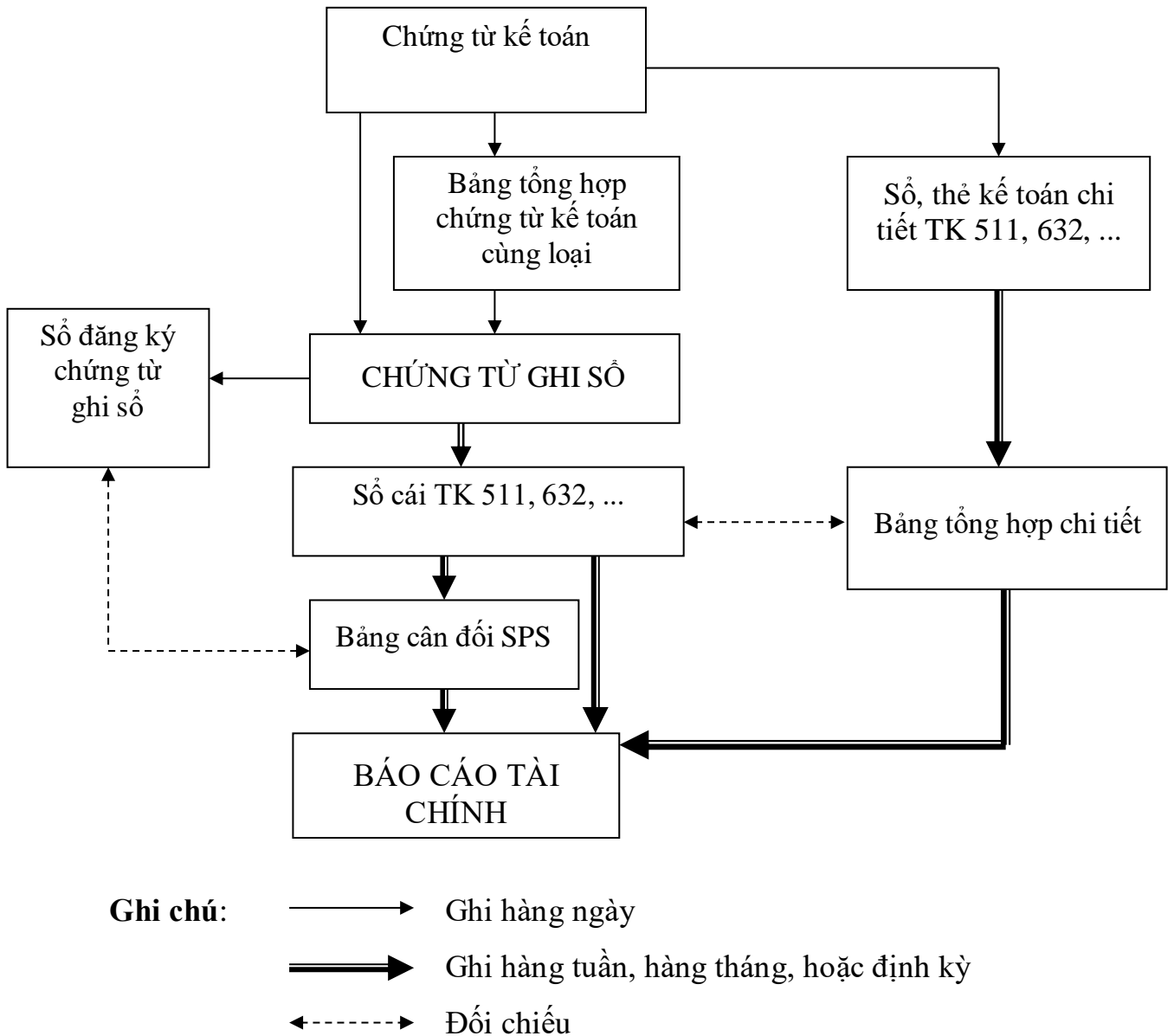
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

* Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



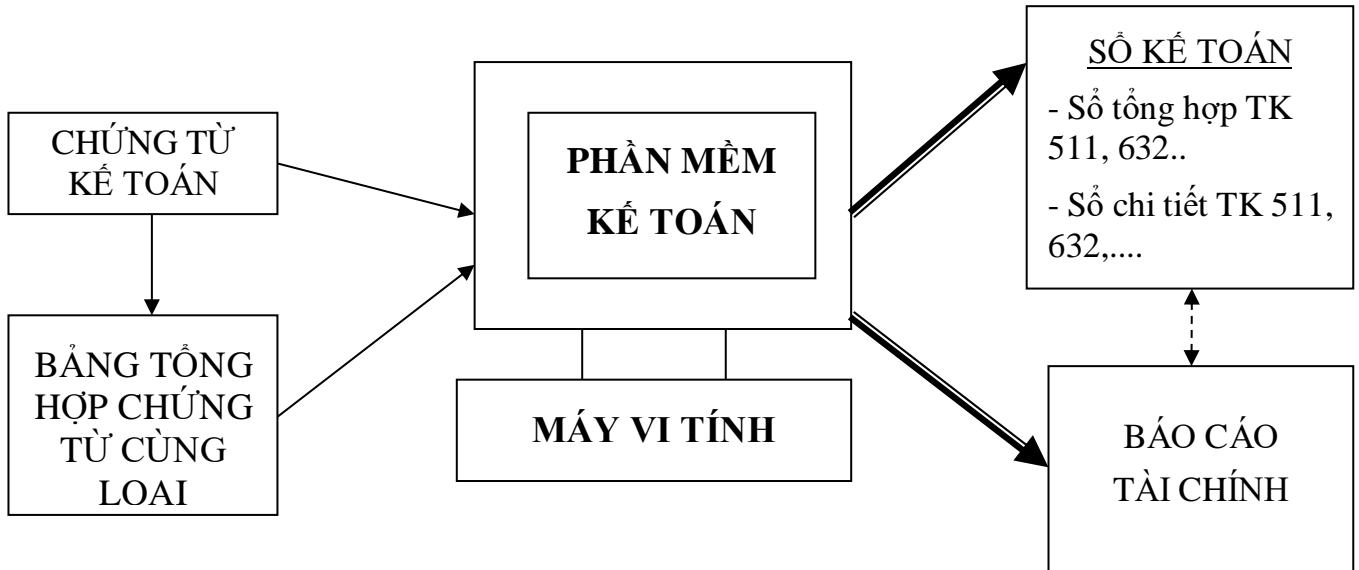
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

* Hình thức kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

<-.-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam

Thông tin chung về công ty:

Tên công ty: **Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam**

Địa chỉ: P.402A, TD-Business Center, Lô 20A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng.

Tex: (+84-31) 3 825 999 (120)

Fax: (+84-31) 3 825 925

MST: 0201287384

Email: nhantl@sitc.vn

Loại hình: Công ty Dịch vụ

Thị trường: Toàn Quốc

Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 021022000213 ngày 28 tháng 12 năm 2012 theo loại hình doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên. Ngày 22 tháng 04 năm 2014, Công ty chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Hai thành viên thành Công ty TNHH Một thành viên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 021043000252 ngày 22 tháng 8 năm 2016 và các Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là dịch vụ giao nhận hàng hóa.

Ngành nghề kinh doanh.

Các chức năng hoạt động chính của công ty bao gồm:

- Hoạt động giao nhận hàng hóa: Công ty nhận vận chuyển và giao hàng hóa cho tất cả các công ty trong và ngoài nước khi có nhu cầu vận chuyển.

- Hoạt động vận tải đa phương thức dịch vụ: vận tải hàng hóa bằng đường biển, đường sông, đường bộ.
- Dịch vụ khai thuế hải quan, ủy thác xuất nhập khẩu.
- Thuê và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng: đây là một hình thức không thể thiếu trong hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa, công ty hiện nay rất chú trọng vấn đề này.

Nhiệm vụ của công ty.

Với các chức năng trên, công ty phải thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện các dịch vụ kinh doanh của công ty theo quy chế hiện hành nhằm thực hiện các mục đích và chức năng đã nêu.
- Đảm bảo việc bảo toàn và bổ sung vốn trên cơ sở tự tạo nguồn vốn, bảo đảm trang trải về tài chính, sử dụng hợp lý, theo đúng chế độ, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.
- Thông qua các liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để thực hiện việc giao nhận, chuyên chở hàng hóa bằng các phương thức tiên tiến, hợp lý an toàn trên các luồng, tuyến vận tải, cải tiến việc chuyên chở, chuyển tải, lưu kho, lưu bãi, giao nhận hàng hóa và bảo đảm bảo quản hàng hóa an toàn trong phạm vi trách nhiệm của công ty.

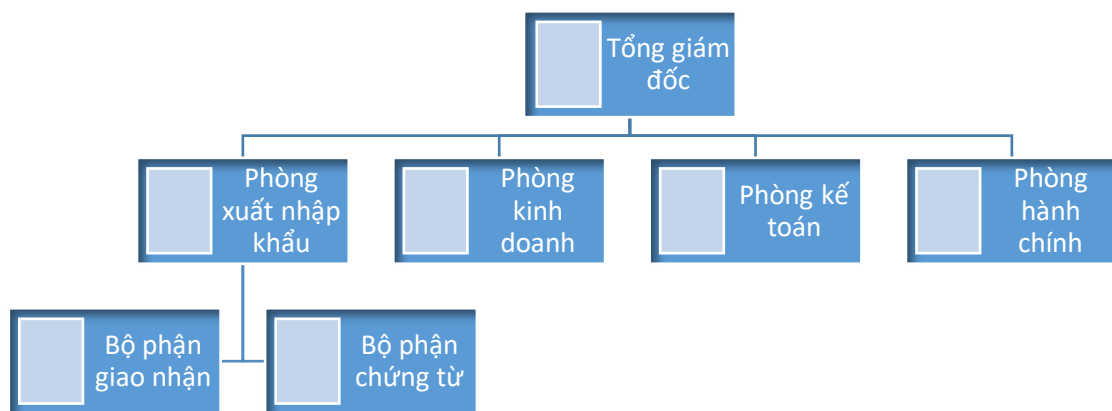
Loại hình kinh doanh :

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
2	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.	5022
3	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.	5012
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ đại lý tàu biển, khai thuế hải quan, dịch vụ logistics, giao nhận hàng hóa.	5229
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	5210
6	Bốc xếp hàng hóa.	5224

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

2.1.2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả dịch vụ của doanh nghiệp. Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của công ty, tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có: Tổng giám đốc, phòng kế toán, phòng kinh doanh.



(Nguồn: Bộ phận hành chính của công ty TNHH SITC Logistics Việt nam)

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH SITC Logistics Việt nam

Trong đó các phòng ban được phân chia phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ cũng như đặc điểm kinh doanh của công ty.

2.1.2.2 Chức năng của từng bộ phận

Như sơ đồ trên ta thấy, cơ cấu tổ chức của công ty là một hệ thống được liên kết chặt chẽ, khoa học. Đứng đầu công ty là Tổng giám đốc, dưới Tổng giám đốc là các phòng ban.

Theo mô hình quản lý trên thì các vấn đề phát sinh trong các bộ phận chức năng sẽ do cán bộ phụ trách chức năng quản lý. Đứng đầu công ty là Tổng giám đốc công ty. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

-Phòng xuất nhập khẩu: bao gồm bộ phận giao nhận và bộ phận chứng từ, đây là phòng có vị trí quan trọng nhất trong cơ cấu tổ chức của công ty, trực tiếp nhận các hợp đồng xuất nhập khẩu, hợp đồng ủy thác, phân công cho các nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả và nhanh chóng.

+ Bộ phận giao nhận: bộ phận này trực tiếp tham gia hoạt động giao nhận, chịu trách nhiệm hoàn toàn mọi thủ tục từ khâu mở tờ khai đến khâu giao hàng cho khách hàng của công ty. Với đội ngũ nhân viên năng động, được đào tạo thành thạo nghiệp vụ chuyên môn. Có thể nói phòng giao nhận giữ vai trò trọng yếu trong việc tạo uy tín với khách hàng.

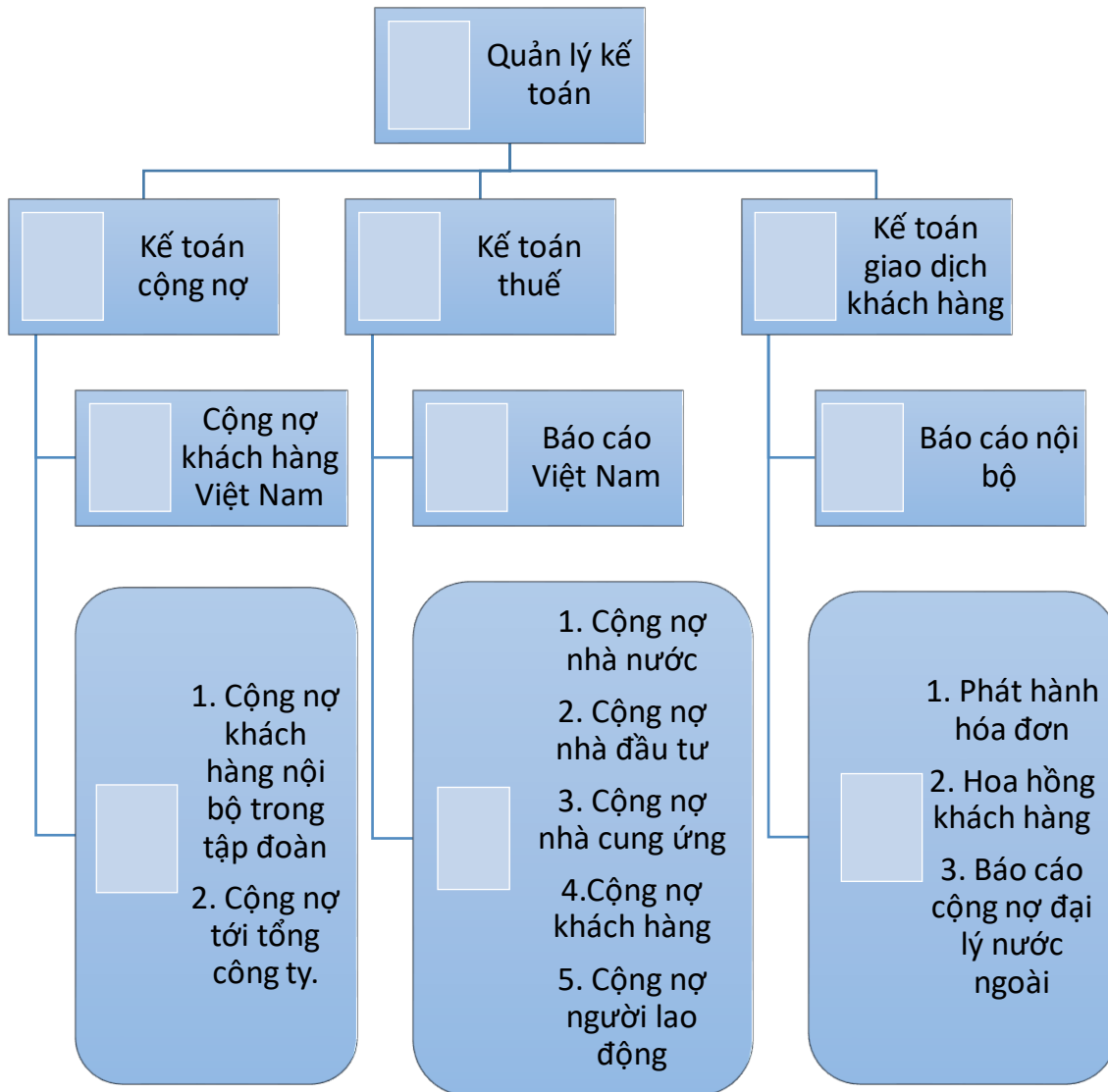
+ Bộ phận chứng từ: theo dõi, quản lý lưu trữ chứng từ và các công văn. Soạn thảo bộ hồ sơ hải quan, các công văn cần thiết giúp cho bộ phận giao nhận hoàn thành tốt công việc được giao. Thường xuyên theo dõi quá trình làm hàng, liên tục tiếp xúc với khách hàng để thông báo những thông tin cần thiết cho lô hàng.

-Phòng kinh doanh: tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời có nhiệm vụ nghiên cứu, khảo sát thị trường, chủ động tìm kiếm khách hàng mới. Phòng kinh doanh có vai trò rất quan trọng trong hoạt động của công ty, góp phần mở rộng thị phần, đem lại nhiều hợp đồng có giá trị cho công ty.

-Phòng kế toán: chịu trách nhiệm về các khoản chi của công ty và các khoản thu từ khách hàng. Nhận và kiểm tra chứng từ: tổng phí, giá bán, điều kiện thanh toán, đối tượng xuất hóa đơn (trong nước hay ngoài nước), hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kế toán phát sinh, báo cáo các số liệu chính xác định kỳ, chi tạm ứng cho nhân viên giao nhận hoàn thành công tác.

-Phòng hành chính: Tham mưu, giúp việc cho tổng giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty. Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH SITC Logistics Việt nam



(Nguồn: phòng tài chính của công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ cơ cấu bộ máy kế toán của công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

Quy trình vị trí công việc

➤ Kế toán công nợ:

Trong những công ty có nhiều đối tác, quan hệ khách hàng rộng thì cần phải có một kế toán công nợ. Họ sẽ quản lý toàn bộ công nợ của công ty.

- **Công nợ khách hàng, nhà cung cấp**

Công nợ khách hàng:

Kế toán xuất hóa đơn.

Theo dõi công nợ thu khách hàng (khách hàng hàng nhập thanh toán trước khi nên hóa đơn, khách hàng hàng xuất (trừ một số khách hàng có hợp đồng tín dụng) bắt buộc phải thanh toán sớm).

Đối chiếu sổ sách công nợ khách hàng (kiểm tra chi tiết công nợ của từng khách hàng).

Công nợ nhà cung cấp:

Kế toán ghi sổ công nợ nhà cung cấp từ khi nghiệp vụ đưa chứng từ (theo hợp đồng tín dụng hoặc yêu cầu vận chuyển của từng nhà cung cấp).

Theo dõi công nợ phải thu khách hàng, nếu khách hàng đã thanh toán hết thì kế toán sẽ làm thanh toán trả nhà cung cấp.

➤ Kế toán thuế:

Am hiểu Luật thuế GTGT, các thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT

Nhiệm vụ cụ thể:

1. Trực tiếp làm việc cơ quan thuế khi có phát sinh.
2. Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của Cty
3. Hằng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Cty, phân loại theo thuế suất.
4. Hằng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Cty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
5. Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách ,hoàn thuế của Cty.
6. Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
7. Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới , đăng ký đơn vị phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
8. Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh .
9. Hằng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Cty.
10. Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thuế để báo cáo cục thuế.
11. Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hóa đơn thuế GTGT theo thời

gian, không để thất thoát, hư hỏng.

12. Kiểm tra đối chiếu biên bản hủy Hóa đơn để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh .

13. Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế ,soạn thông báo các nghiệp vụ qui định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty để cơ sở biết thực hiện.

14. Lập kế hoạch thuế giá trị gia tăng ,thu nhập doanh nghiệp ,nộp ngân sách

15. Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.

16. Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).

17. Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.

18. Hằng tháng, quý, năm, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trong kỳ.

➤ Kế toán giao dịch khách hàng.

Làm báo cáo công nợ nước ngoài

- Thông tin về công nợ đại lý trong tháng được lấy từ tổng hợp thu chi các lô hàng trong tháng của bộ phận chứng từ.

- Sau khi check chính xác các tổng hợp thu chi của các lô hàng, lấy thông tin làm báo cáo công nợ nước ngoài cho từng đại lý , gồm có phần phải thu và phải trả.

- Cần chú ý không được báo cáo lặp lại công nợ của tháng trước, các phần công nợ đại lý trong báo cáo phải chính xác với debit note hay credit note tương ứng.

- Tổng hợp công nợ HCM gửi , chuyển cho bộ phận kế toán trước ngày mùng 7 hàng tháng

- Vào giữa tháng các đại lý sẽ gửi công nợ, cần kiểm tra đối chiếu sao cho phần phải thu và phải trả của hai bên là khớp nhau.

Làm báo cáo chi hoa hồng cho khách hàng

- Thông tin về các khoản hoa hồng cần chi được lấy từ tổng hợp thu chi các lô hàng trong tháng của bộ phận chứng từ.

- Sau khi check chính xác tổng hợp thu chi của các lô hàng, lấy thông tin làm báo cáo các khoản hoa hồng cần chi cho khách hàng. Sau đó, bộ phận Sales sẽ

cung cấp thông tin chi hoa hồng theo lô hàng, thông tin chi tiết của khách hàng nhận hoa hồng.

- Cần chú ý số tiền hoa hồng tính trên lô hàng không được vượt quá lợi nhuận trước thuế của lô hàng đó, báo cáo.
- Cuối mỗi tháng chuyển vào phòng kế toán chứng từ cho các món hoa hồng dự kiến phải chi trong tháng vào tháng sau.
- Mỗi tháng có hai đợt thanh toán Hoa hồng định kỳ cho khách hàng đã thanh toán phí dịch vụ : ngày 15(đợt 1) và ngày 25 (đợt 2) hàng tháng.
- Một bộ chứng từ đầy đủ và hợp lệ để được chấp nhận thanh toán bao gồm:
 - + Đề nghị thanh toán hoa hồng :
 - . Có đầy đủ chữ ký có thẩm quyền : Người đề nghị (Applicant), nhân viên phụ trách chứng từ của lô hàng (checker), Trưởng bộ phận sales (Verifier), Phó tổng giám đốc (Approver)
 - . Ghi chú rõ ngày thanh toán của khách hàng, số hũ dịch vụ đầu ra liên quan
 - . Ghi rõ ngày đề nghị thanh toán và ngày yêu cầu thanh toán (15 hay 25)
 - + Tờ đăng ký trích hoa hồng cho khách hàng đã được duyệt bởi trưởng bộ phận Sales và Phó tổng giám đốc.

Trên tờ đăng ký trích hoa hồng cần cung cấp rõ thông tin sau đây của khách hàng:

- . Họ tên
- . Mã số thuế
- . Số CMND

Các thông tin phải được cung cấp chính xác từ bộ phận Sales, từ thông tin trên của khách hàng đưa ra số tiền chính xác cần chi hoa hồng cho khách hàng

Các chứng từ liên quan của lô hàng (Bảng kê lô hàng, Vận đơn,...)

Các chứng từ đặc biệt cần chú ý (nếu có)

2.1.2.4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

01. Chế độ kế toán áp dụng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014,

các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các phương pháp kế toán:

- Phương pháp hạch toán thuế: công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các chính sách kế toán áp dụng

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 03 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 05 năm
- Phần mềm quản lý 03 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để

lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần

công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

09. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: - Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Các chi phí khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

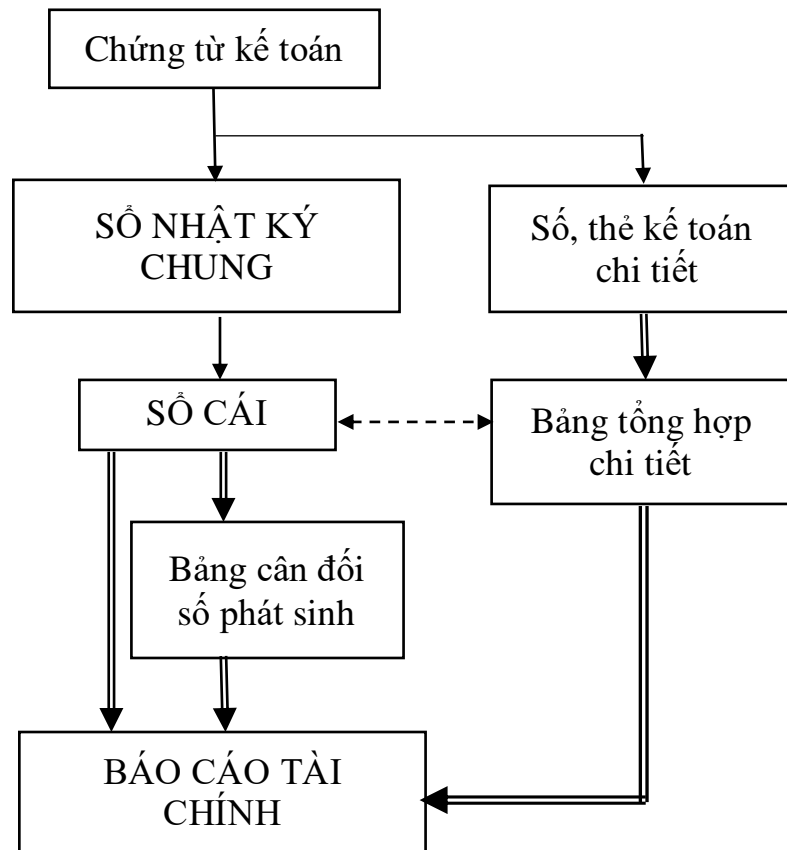
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

2.1.2.5. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày:
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

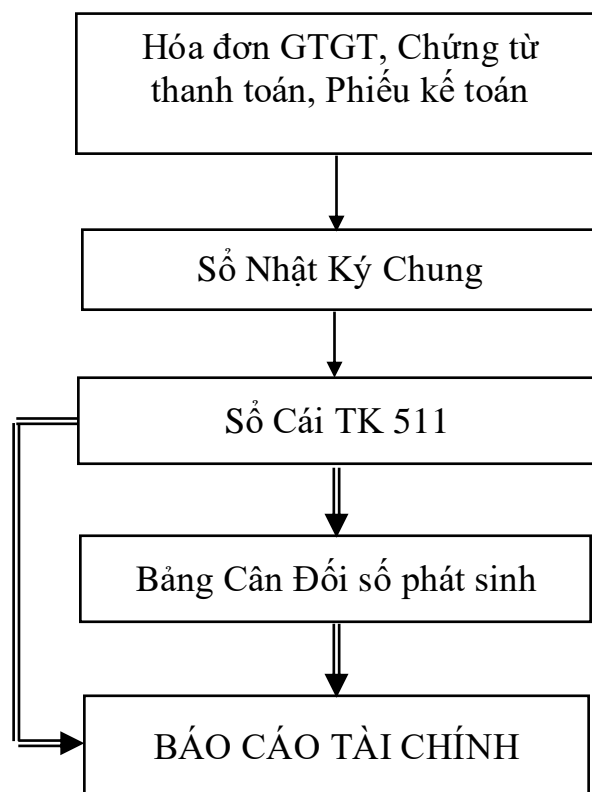
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Logistics Việt Nam.

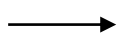
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 511

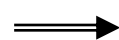
Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.



Ghi chú:



Ghi hàng ngày.



Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm).

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu...kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 112, 511, 333...

-Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC.

- Nội dung hạch toán:

*** Ví dụ minh họa 1:**

Nghiệp vụ : Ngày 31/12/2017 xuất hóa đơn thu Phí mất cân bằng vỏ (CIC);Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí vệ sinh cont;Phí làm hàng (handling);Phí chứng từ (DO); số HĐ 0001857, số tiền 5,505,800, thuế VAT 10%.

Định khoản:

Nợ 131: 6,056,380

Có 511: 5,505,800

3331: 550,580

Căn cứ vào hóa đơn số 0001857 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4)

*** Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 31/12/2017 Doanh nghiệp xuất hóa đơn thu tiền cước biển của công ty cổ phần tư vấn công nghệ và XNK Linker Việt Nam số tiền 4,426,958. Doanh nghiệp đã nhận được giấy chi tiết giao dịch TK khách hàng của Ngân hàng về số tiền này. Thuế VAT 10% theo HĐ GTGT số 0001859.

Định khoản:

Nợ 112 : 4,869,654

Có TK 511 : 4,426,958

Có TK 3331: 442,696

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD0000658

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001																
(Liên 3: Nội bộ)			Ký hiệu: AA/15P																
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Số: 0001857																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SITC Logistics Việt Nam. Mã số thuế: 0201287384 Địa chỉ: P.402A, TD-Business Center, Lô 20A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng. Điện thoại: 3825999 Số tài khoản: 19126798395666 tại NH TECHCOMBANK – Hải Phòng.																			
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ và XNK Linker Việt nam. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">6</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>						0	1	0	2	5	4	5	1	6	1				
0	1	0	2	5	4	5	1	6	1										
Địa chỉ: Số 10 đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội Hình thức thanh toán: Số tài khoản:																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Phí mất cân bằng vỏ (CIC);Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí vệ sinh cont;Phí làm hàng (handling);Phí chứng từ (DO)	Vỏ	1	5,505,800	5,505,800														
Cộng tiền hàng:					5,505,800														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		550,580														
Tổng cộng thanh toán:					6,056,380														
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)																			

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD0001660

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 31 tháng 12 năm 2017			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/15P Số: 0001859																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM. Mã số thuế: 0201287384 Địa chỉ: P.402A, TD-Business Center, Lô 20A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng. Điện thoại: 3825999 Số tài khoản: 19126798395666 tại NH TECHCOMBANK – Hải Phòng.																			
Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn công nghệ và XNK Linker Việt nam. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>5</td><td>4</td><td>5</td><td>1</td><td>6</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Địa chỉ: Số 10 đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội Hình thức thanh toán: Số tài khoản:						0	1	0	2	5	4	5	1	6	1				
0	1	0	2	5	4	5	1	6	1										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Cước biển	Vô	1	4,426,958	4,426,958														
					Cộng tiền hàng: 4,426,958														
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		442,696														
Tổng cộng thanh toán:					4,869,654														
Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng.																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>																			

Biểu 2.3. Trích sổ phụ Ngân hàng TECHCOMBANK

Số phụ tài khoản

Tu ngày 2017/12/31 Đến ngày 2017/12/31
 Số tài khoản 19026798395998 - TIEN GUI THANH TOAN
 Tên tài khoản VND-TGTT-CTY TNHH SSo dư hiện tại 2,743,633,074
 Loại tiền VND Số dư đầu ngày 2,743,633,074
 Số dư đầu kỳ 2,681,372,024 Số dư cuối kỳ 2,743,633,074
 Tổng ghi nợ 0 Tổng ghi có 62,261,050

Ngày	Số bút toán	Tài khoản dịch	Diễn giải	No	Có	Số dư
2017/12/8	FT17292A01015479\XNV	19026798395998	(B/O CTY TNHH TM XNK HANG TIN PHAT) CT CTY TNHH SITC LOGISTICS VIET NAM-TT TIEN CUOC VAN		7,370,000	2,743,633,074
2017/12/31	FT17292A01008510\XNV	19026798395998	(B/O CTCP TU VAN CONG NGHE VA XNK LINKERVN) TC:9C9100035.CTCP TU VAN CONG NGHE VA XNK		4,869,654	2,748,502,728
2017/12/8	FT17292A04003621\XNV	19026798395998	(B/O CN CTY TNHH DV-TM M&P QUOC TE) HBTT CUOC VCQT BL: SITGLCHP106627		16,156,050	2,764,658,778
2017/12/8	FT17292A01006467\XNV	19026798395998	(B/O CT TNHH SINDORA) Thanh toán Debit note DN-HPHEF2017102278		16,667,200	2,781,325,978
2017/12/8	FT17292A01001373\XNV	19026798395998	(B/O TRAN THUY LINH) TC:I43000120.cty hang quang chuyen tien		10,230,000	2,791,555,978

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Biểu số 2.4. Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P520, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2

	0001857	31/12	Phí mất cân bằng vỏ (CIC);Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí vệ sinh cont;Phí làm hàng (handling);Phí chứng từ (DO);				
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG NHAP	388	131	550,580	
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG NHAP	389	131	5,505,800	
			Thuế GTGT đầu ra	390	33311		550,580
			Doanh thu cung cấp dịch vụ_ĐLTB (Container)	391	5113		5,505,800
	0001858	31/12	Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí khai thác hàng lẻ (CFS);Phí khai báo hải quan (AFS);				
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG XUAT	272	131	211,263	
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG XUAT	273	131	2,112,633	
			Thuế GTGT đầu ra	274	33311		211,263
			Doanh thu cung cấp dịch vụ_ĐLTB (Container)	275	5113		2,112,633
	1859	31/12	Cước biển;				
			Thu tiền của khách hàng - VND HP-HANG XUAT	250	112	442,696	
			Thu tiền của khách hàng - VND HP-HANG XUAT	251	112	4,426,958	
			Thuế GTGT đầu ra	252	33311		442,696
			Doanh thu cung cấp dịch vụ_ĐLTB (Container)	253	5113		4,426,958

			Tổng cộng:			113,271,202,764	113,271,202,764

....., ngày 31 tháng 12 Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Biểu số 2.5. Trích sổ cái tài khoản 511

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM
 P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỐ CÁI TÀI KHOẢN 5113

Năm 2017

Tài khoản : Doanh thu cung cấp dịch vụ

đvt: đồng

Ngày th áng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền			
	Số hiệu	Ngày tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G	1	2		
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
			5113HP - Doanh thu cung cấp dịch vụ_ ĐLTB (Container)							
			- Số dư đầu năm							
			- Số phát sinh trong kỳ							
...	
31/12/17	0001857	31/12/17	Phí mất cân bằng vỏ (CIC);Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí vệ sinh cont;Phí làm hàng (handling);Phí chứng từ (DO);			131		5,505,800		
31/12/17	0001858	31/12/17	Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Phí khai thác hàng lẻ (CFS);Phí khai báo hải quan (AFS);			131		2,112,633		
31/12/17	0001859	31/12/17	Cước biển;			112		4,426,958		
...		
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				7,828,694,927	7,828,694,927		
			- Số dư cuối tháng							
			- Cộng lũy kế từ đầu quý				81,896,951,406	81,896,951,406		

- Số này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

....., ngày 31 tháng . 12 Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

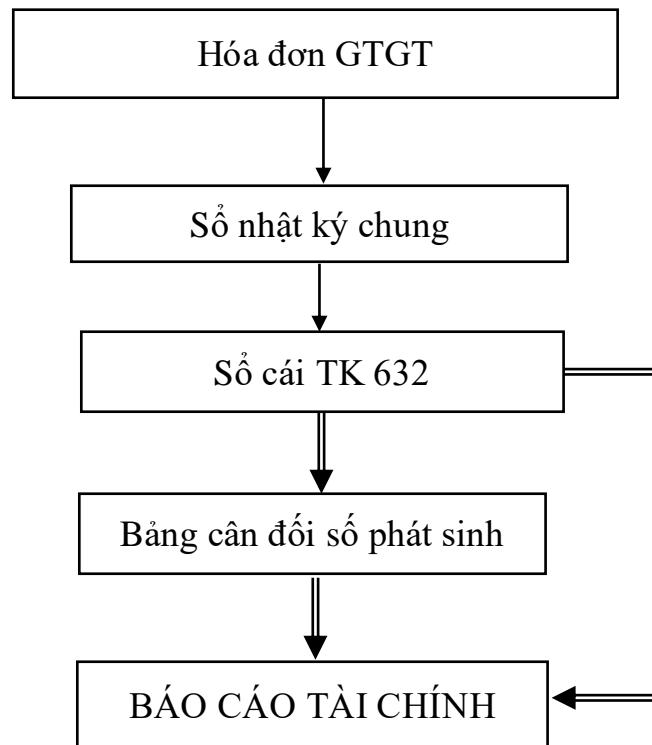
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

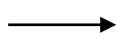
2.2.1.2. Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH SITC**Logistics Việt Nam.**

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn dịch vụ mua vào
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Bill, giấy thông báo hàng đến, lệnh giao hàng
 - + Các chứng từ khác có liên quan
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 154: Chi phí sản xuất
 - + TK 156: Hàng hóa.
 - + TK 632: Giá vốn hàng bán
 - + TK 6323: Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa
 - + TK 111, 112...

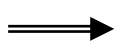
Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:



Ghi hàng ngày.



Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm).

*** Ví dụ minh họa :**

Ngày 31/12/2017 DN đi sang Công ty TNHH MAX PEED HN lấy lệnh trả phí
THC, CFS. Số tiền 1,403,864, thuế VAT 10%

Định khoản:

Nợ 632: 1,403,864

 1331: 140,386

Có 331: 1,544,250

Biểu số 2.6. Hóa đơn GTGT số HD0001540

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 31 tháng 12 năm 2017</p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: MP/15P Số: 0001540</p>																
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MAXPEED HÀ NỘI. Mã số thuế: 0102847194 Địa chỉ: P702 tầng 7 toà nhà VET 98 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 3825999 Số tài khoản: 049830033533 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN-CN Thăng Long</p>																			
<p>Họ tên người mua hàng..... Tên đơn vị: Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam. Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">8</td><td style="width: 20px;">4</td> <td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td> </tr> </table> </p>						0	2	0	1	2	8	7	3	8	4				
0	2	0	1	2	8	7	3	8	4										
<p>Địa chỉ: P.420A, TD-Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, Tp Hải Phòng. Hình thức thanh toán: Số tài khoản:</p>																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Phí làm hàng tại cảng(THC)	M3	6,160	113,950	701,932														
2	Phí khai thác hàng lẻ (CFS) FILEOGSHKG1612090 FILEOGSHKG1612090-18	M3	6,160	113,950	701,932														
Cộng tiền hàng:					1,403,864														
Thuế suất GTGT: 10% %			Tiền thuế GTGT:		140,386														
Tổng cộng thanh toán:					1,544,250														
<p>Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn, hai trăm năm mươi đồng chẵn.</p>																			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)															
<p>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</p>																			

Biểu số 2.7.(Trích sổ Nhật Ký Chung)

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P520, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT đồng	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
	PK12_43	31/12	Phí THC, CFS					
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		204	1331	140,386	
			Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa-HP		207	6323	1,403,864	
			Phải trả cho người bán - VND		205	3311		140,386
			Phải trả cho người bán - VND		206	3311		1,403,864
	PK12_44	31/12	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ					
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		208	1331	972,368	
			Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa-HP		211	6323	25,339,466	
			Phải trả cho người bán - VND		209	3311		972,368
			Phải trả cho người bán - VND		210	3311		25,339,466
	PK12_45	31/12	Phí xếp dỡ tại cảng, chứng từ, phí vệ sinh					
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		278	1331	3,348,152	
			Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa-HP		281	6323	33,481,515	
			Phải trả cho người bán - VND		279	3311		3,348,152
			Phải trả cho người bán - VND		280	3311		33,481,515
	PK12_65	31/12	Cước biển, phí chì, khai báo hải quan, xếp dỡ tại cảng, phí chứng từ, điện giao hàng.					
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		574	1331	34,020,000	
			Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa-HP		577	6323	340,200,000	
			Phải trả cho người bán - VND		575	3311		34,020,000
			Phải trả cho người bán - VND		576	3311		340,200,000
...
			Tổng cộng:				113,271,202,764	113,271,202,764

....., ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Biểu số 2.8. (Trích sổ cái TK 632)

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỐ CÁI TÀI KHOẢN 632**

Năm 2017

Tài khoản: Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa

đvt: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền			
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có		
A	B	C	D	E	F	G	1	2		
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
			6323HP - Giá vốn của dịch vụ giao nhận hàng hóa							
			- Số dư đầu năm							
			- Số phát sinh trong kỳ							
...		
31/12/17	PK12_43	31/12/17	Phí THC, CFS			3311	1,403,864			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	6,775,348			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,658,065			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	469,713			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Cước tàu			3311	5,285,076			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	253,255			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,785,585			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,188,351			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	216,458			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	255,420			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Cước tàu			3311	2,571,059			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Cước tàu			3311	984,312			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,532,519			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,195,434			
31/12/17	PK12_44	31/12/17	Phí cầu cảng, đóng hàng lẻ			3311	1,168,871			
31/12/17	PK12_45	31/12/17	Phí khai báo hàng hóa, xếp dỡ			3311	29,820,500			
31/12/17	PK12_45	31/12/17	Phí khai báo hàng hóa, xếp dỡ			3311	3,661,015			
31/12/17	PK12_65	31/12/17	Cước biển, phí chi, khai báo hải quan, xếp dỡ tại cảng, phí chứng từ, điện giao hàng. (SAP 11_1611)			3311	340,200,000			
31/12/17	05	31/12/17	Kết chuyển giá vốn 6323HP --> 9111			9111		6,279,613,548		
			- Cộng số phát sinh trong kỳ						6,279,613,548	6,279,613,548
			- Số dư cuối tháng							
			- Cộng lũy kế từ đầu quý						68,112,061,545	68,112,061,545

....., ngày 31 Tháng 12 Năm 2017

Người ghi số
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

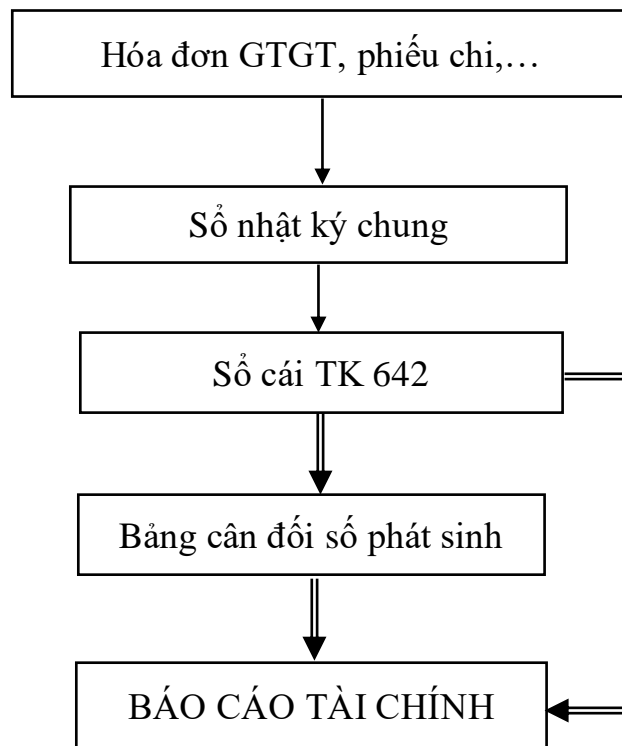
(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

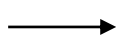
Tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí về lương công nhân viên, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

- Chứng từ sử dụng:
 - ✓ Hóa đơn GTGT
 - ✓ Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
 - ✓ Bảng thanh toán lương
 - ✓ Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao
 - ✓ Các chứng từ khác có liên quan...
- Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Các TK liên quan khác như: TK111, 112, 131, ...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 642

Sơ đồ: Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:



Ghi hàng ngày.



Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm).

- Nội dung hạch toán:

*** Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 15/12/2017 thanh toán tiền văn phòng phẩm tháng 11 cho nhân viên hành chính Nguyễn T.Thu Giang số tiền 2,189,000

Định khoản

Nợ 6427: 1,990,000

Nợ 1331: 199,000

Có 1111: 2,189,000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001199 (Biểu số 2.9), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 1206 (Biểu số 2.10), sau đó phản ánh nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.11**)

Biểu số 2.9. Hóa đơn GTGT số HD0001199

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/15P

Số: **0001199**

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ANH&TÚ

Mã số thuế: 0200730042

Địa chỉ: Số 18 lô khu lái định cư ngã năm sân bay Cát Bi Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Tp Hải Phòng.

Điện thoại: 0313852751

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:.....

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH SITC Logistics Việt Nam.

Mã số thuế:

0	2	0	1	2	8	7	3	8	4				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Địa chỉ: P.420A, TD-Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, Tp Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đồ dùng văn phòng phẩm				1.990.000
<hr/>					
<hr/>					
<hr/>					
<hr/>					

Cộng tiền hàng: 1.990.000

Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT: 199.000

Tổng cộng thanh toán: 2.189.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký và đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

Biểu số 2.10. Phiếu chi số 1206

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số:

Số: PC_1206

Số: 1331

199 000

64271

1 990 000

Số: 1111

2 189 000

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn An

Địa chỉ: CÔNG TY TNHH TM VÀ SX ANH TÚ

Lý do chi: Thanh toán tiền đồ dùng văn phòng tháng 11.

Số tiền: 2 189 000 VND (Viết bằng chữ): Hai triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc.

Tổng Giám Đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Mao Wen Wen

Luu Thị Nhân

Tăng Thị Thúy

Vũ Quang Phúc

Nguyễn Văn An

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 31/12/2017 Tính lương bộ phận kinh doanh tháng 12/2017.

Định khoản:

Nợ 642: 99,622,217

Có 334: 99,622,217

Biểu đồ 2.11 (Trích bảng lương T12)

BẢNG LƯƠNG THÁNG 12/2017

Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam
P.420 A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng phong, Q, Ngô quyền, TP. Hải Phòng

STT	Họ tên	Lương cơ bản	Lương NET theo hđ	Thưởng chuyên cần	Lương theo công	Phụ cấp ăn trưa	Tổng thu nhập		Thu nhập trừ BH	Giảm trừ gia cảnh ĐTNH-NPT	Thu nhập tính thuế TNCN	Khấu trừ thuế TNCN	Cộng VND
							VND	VND					
	VP Hải Phòng												
1	Mao Wen Wen	2,900.00	66,062,000		66,062,000	26.34	66,662,000	66,062,000	12,600,000	53,462,000	7,682,800		
2	Tạ Thị Thủy Hằng	9,600,000	12,000,000	500,000	12,000,000	600,000	13,100,000	11,240,000	9,000,000	2,240,000	-501,000	12,341,000	
3	Lưu Thị Nhân	16,000,000	20,000,000	500,000	20,000,000	600,000	21,100,000	18,400,000	16,200,000	2,200,000	-1,500,000	20,500,000	
4	Lê Mạnh Cường	6,400,000	8,000,000	500,000	8,000,000	600,000	9,100,000	7,660,000	12,600,000	-	-38,000	8,298,000	
7	Vũ Thị Thu Thủy B	6,000,000	7,500,000		7,500,000	600,000	8,100,000	6,712,500	12,600,000	-	-	7,313,000	
9	Ngô Thị Quỳnh	6,000,000	7,500,000		7,500,000	600,000	9,231,226	7,843,726	12,600,000	-	-11,578	8,455,000	
10	Đặng Văn Cường	6,000,000	7,500,000	500,000	7,500,000	600,000	8,600,000	7,212,500	9,000,000	-	-272,500	8,085,000	
11	Trần Quang Hạnh	8,400,000	12,500,000	500,000	12,500,000	600,000	13,600,000	11,687,500	12,600,000	-	-540,625	12,828,000	
17	Nông Đại Hiệp	4,800,000	7,000,000	500,000	7,000,000	600,000	8,100,000	6,765,000	9,000,000	-	-231,500	7,597,000	
19	Nguyễn Minh Phúc	7,000,000	7,000,000		7,000,000	600,000	7,600,000	6,265,000	9,000,000	-	-	6,865,000	
	小计	-	160,500,000	5,000,000	160,500,000	10,800,000	179,558,844	151,906,344	201,600,000	4,440,000	-4,770,561	167,477,000	
1	Trần Thị Thu Lộc	9,600,000	12,000,000		12,000,000	600,000	13,894,220	12,034,220	12,600,000	-	-1,102,424	13,737,000	
2	Phạm Thị Thanh Hương	6,000,000	7,500,000		6,923,000	600,000	23,635,442	22,247,942	9,000,000	13,247,942	203,984	22,644,000	
6	Đặng Thị Thanh Thủy	3,745,000	7,000,000		7,000,000	600,000	12,845,224	11,510,224	9,000,000	2,510,224	-908,537	13,019,000	
7	Đinh Thị Thu Trang	4,500,000	4,500,000		4,240,385	600,000	4,840,385	3,767,885	12,600,000	-	-4,867,000	9,235,000	
8	Trần Hải Yến	3,745,000	4,500,000	500,000	4,500,000	600,000	6,123,644	5,051,144	9,000,000	-	-993,735	6,645,000	
	小计	41,080,000	54,500,000	500,000	48,759,385	4,407,692	99,622,217	90,279,525	86,400,000	35,148,316	-9,629,223	104,317,000	
27	小计	169,525,000	215,000,000	5,500,000	209,259,385	15,207,692	279,181,061	217,987,500	288,000,000	39,588,316	-14,399,784	271,794,000	

Biểu số 2.12 (Trích bảng tỷ lệ các khoản trích theo lương)**BẢNG TỶ LỆ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Nội dung	Công ty	Người lao động	Tổng
Bảo hiểm xã hội (TK3383)	17,5%	8%	25,5%
Bảo hiểm y tế(TK 3384)	3%	1,5%	4,5%
Bảo hiểm thất nghiệp(TK 3389)	1%	1%	2%
Kinh phí công đoàn (TK 3382)	2%		2%
Cộng	23,5%	10,5%	34%

Biểu số 2.13 (Bảng các khoản trích theo lương)**BẢNG CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

	BHXH	Cty		HP	HCM	
Quỹ lương		346,000,000		207,500,000	138,500,000	
Tổng 34.5%		112,450,000		67,437,500	45,012,500	112,450,000
Trích CP 24%		83,040,000		45,650,000	30,470,000	
Trừ VN 10.5%		36,330,000		21,005,123	14,020,287	
		6,920,000		4,150,000	2,770,000	6,920,000
		Trích CP 642 (22%)	BHXH	37,350,000	24,930,000	62,280,000
			BHYT	6,225,000	4,155,000	10,380,000
			BHTN	2,075,000	1,385,000	3,460,000
			KFCĐ	4,150,000	2,770,000	76,120,000
				49,800,000	33,240,000	83,040,000
Trích trừ NV(10.5%)		36,330,000				
		BHXH	27,680,000			
		BHYT	5,190,000			112,450,000
		BHTN	3,460,000			
			36,330,000			

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

Biểu đồ 2.14 (Trích Sổ Nhật Ký Chung)

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
	PC_1206	15/12	Thanh toán tiền đồ dùng văn phòng tháng 12					
			Chi tiền mặt thanh toán VPP tháng 12		1,001	1111		199,000
			Chi tiền mặt thanh toán VPP tháng 12		1,002	1111		1,990,000
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ		1,003	1331	199,000	
			Chi phí VPP tháng 12		1,004	64271	1,990,000	
...
	PK11_01	30/12	Trích lương nhân viên VN T12 .2017					
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,075	33411		99,622,217
			Chi phí nhân viên		1,077	6421	99,622,217	
			Chi phí nhân viên quản lý		1,078	6421	169,008,844	
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,076	33411		169,008,844
			Phải thu nội bộ khác-CN HCM		1,073	1368	181,112,200	
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,074	33411		181,112,200
	PK11_03	30/12	Thuế TNCN,BHXH tính trừ vào lương NV T11.2017					
			Thuế thu nhập cá nhân - Nhân viên SITC		1,095	33351	13,827,714	
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,096	33411		13,827,714
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,097	33411	27,680,000	
			Bảo hiểm xã hội		1,100	3383		27,680,000
			Bảo hiểm y tế		1,101	3384		5,190,000
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,098	33411	5,190,000	
			Phải trả công nhân viên _ LUONG VND		1,099	33411	3,460,000	
			Bảo hiểm thất nghiệp		1,102	3386		3,460,000
	PK11_04	30/12	Trích lương NV_ TQ T12.2017					
			Phải trả công nhân viên _ LUONG USD		1,105	33412		66,661,934
			Chi phí nhân viên quản lý		1,106	6421	66,661,934	
			Phải thu nội bộ khác-CN HCM		1,103	1368	177,206,000	
			Phải trả công nhân viên _ LUONG USD		1,104	33412		177,206,000
	PK11_05	30/12	Thuế TNCN NV -TQ tính trừ vào lương NV T12.2017					
			Thuế thu nhập cá nhân - Nhân viên SITC		1,107	33351		28,378,100
			Phải trả công nhân viên _ LUONG USD		1,108	33412	28,378,100	
...
			Tổng cộng:				113,271,202,764	113,271,202,764

....., ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Luu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

Ví dụ minh họa 4:

Ngày 31/12/2017 Chi phí khấu hao tài sản cố định số tiền 21,905,706.

Định khoản:

Nợ 6424: 21,905,706

Có 2141: 21,905,706

BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2017

Tài sản:

Stt	Mã số	Tên tài sản	Đvt	Bộ phận	Số lượng	Ngày bắt đầu khấu hao	Giá trị tài sản đầu kỳ			Khấu hao trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ		
							Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại		Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
1	TS001	Xe Ô tô Mitsubishi Grandis NA4WLRUYLV	Chiếc	HP	1	01/04/17	302,134,844	80,569,288	221,565,556	10,071,161	302,134,844	90,640,449	211,494,395
2	TS002	Phần mềm kế toán BRAVO	Bản	HP	1	01/05/17	60,000,000	11,666,669	48,333,331	1,666,667	60,000,000	13,333,336	46,666,664
3	TS003	Xe Ô tô FORDEVEREST U268W25LD 4x2AT	Chiếc	HP	1	01/12/17				11,834,545	852,087,273	11,834,545	840,252,728
		Tổng cộng:			3		362,134,844	92,235,957	269,898,887	23,572,373	1,214,222,117	115,808,330	1,098,413,787

Người lập

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.15 (Trích Sổ Nhật Ký Chung)

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
	PC_1201	01/12	Nộp thuế trước bạ xe Ô tô Ford Everest (Everst U268W 25LD4 X 2AT) SAP10-3349					
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		1	1111		99,360,000
			Phải thu của khách hàng - USD		1,721	131	2,112,000	2,112,000
	TSCĐ007	01/12	Xe ô tô con 7 chỗ Ford everest U268W25LD (SAP21-17)					
			Phương tiện vận tải, truyền dẫn		2	2113	752,727,273	
			Phải trả cho người bán - VND		3	3311		752,727,273
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		231	64271	36,364	
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		333	1111		681,545
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		334	1111		7,200,455
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		335	1111		3,575,705
	PC_1240	23/12	TT tiền tiếp khách					
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		336	1111		1,084,091
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		337	1111		10,840,909
	PC_1241	23/12	Tạm ứng (Lô 121585) (SAP					
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP		338	1111		3,179,000
						1121	3,179,000	
	KHTSCD12	31/12	Khấu hao tài sản					
			Hao mòn tài sản cố định vô hình		306	2143		1,666,667
			Chi phí khấu hao TSCĐ		308	6424	1,666,667	
			Chi phí khấu hao TSCĐ		307	6424	21,905,706	
			Hao mòn tài sản cố định hữu hình		305	2141		21,905,706
	TNHP12	31/12	Tiền thuê VP - HP (QIV) (SAP11-1602)					
			Chi phí trả trước - thuê nhà (từ tháng 1/2015)		301	24211		42,280,000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài		302	64271	42,280,000	
...
			Tổng cộng:				102,661,300,221	102,661,300,221

- Số này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

Biểu đồ 2.16 (Trích sổ cái TK 642)

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TTBTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

Năm 2017

Tài khoản: Chi phí quản lý

đvt: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
1	2	3	4	5	6	7	8	9
6421 - Chi phí nhân viên quản lý								
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
31/12/17	PK12_01	31/12/17	Trích lương nhân viên VN T12 .2017			33411	99,622,217	
31/12/17	PK12_02	31/12/17	Trích BHXH ,BHVT,BHTN, KFCĐ nhân viên VN T12.2017			3383	37,350,000	
31/12/17	PK12_02	31/12/17	Trích BHXH ,BHVT,BHTN, KFCĐ nhân viên VN T12.2017			3384	6,225,000	
31/12/17	PK12_02	31/12/17	Trích BHXH ,BHVT,BHTN, KFCĐ nhân viên VN T12.2017			3386	2,075,000	
31/12/17	PK12_02	31/12/17	Trích BHXH ,BHVT,BHTN, KFCĐ nhân viên VN T12.2017			3382	4,150,000	
31/12/17	PK12_04	31/12/17	Trích lương NV_ TQ T12.2017			33412	66,661,934	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				405,786,390	405,786,390
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý				3,315,835,799	3,315,835,799
64271 - Chi phí dịch vụ mua ngoài								
...
15/12/17	PC_1206	15/12/2017	Chi tiền mặt thanh toán VPP tháng 12			1111	1,990,000	
31/12/17	PC_1260	31/12/17	Thanh toán tiền tiếp khách			1111	6,181,818	
31/12/17	KHTSCD12	31/12/17	Hao mòn tài sản cố định vô hình			2143	1,666,667	
			Hao mòn tài sản cố định hữu hình			2141	21,905,706	
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				154,631,253	154,631,253
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý				1,211,984,515	1,211,984,515

....., ngày 31 tháng 12 Năm 2017

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

- Chứng từ sử dụng:
 - + Sổ phụ ngân hàng
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
 - Tài khoản sử dụng:
 - + Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Tài khoản 635: Chi phí tài chính.
 - Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 515, TK 635
 - Nội dung hạch toán:
- * **Ví dụ minh hoạt 1:** Ngày 31/12 công ty nhận được tiền lãi của ngân hàng Techcombank với số tiền 462.541 bằng chuyển khoản
- * Định khoản:

Nợ TK 112: 462.541

Có TK 515: 462.541

Căn cứ vào Giấy báo có GBC08636 (biểu 2.17) từ ngân hàng VietinBank, kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu 2.18)

Biểu 2.17. Giấy báo có của ngân hàng TECHCOMBANK

	GIẤY BÁO CÓ Ngày 31/12/2017	Mã GDV: Mã KH: Số GD: 08636
Ngân hàng TECHCOMBANK Chi nhánh: Hải Phòng		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH SITC Logistics Việt Nam. Mã số thuế: 0201287384		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 00100000681666		
Số tiền bằng số: 462.541		
Số tiền bằng chữ: bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi một đồng		
Nội dung: lãi tiền gửi		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

Biểu số 2.18. Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
A	B	C	D	G	H	1	2
...
08/12	PC_1201	08/12	Thanh toán tiền đồ dùng VPP T12				
			Chi tiền mặt thanh toán VPP T12	384	1111		199,000
			Chi tiền mặt thanh toán VPP T12	385	1111		1,990,000
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	386	1331	199,000	
			Chi phí VPP tháng 12	387	64271	1,990,000	
09/12	.0002998	09/12	Phí làm hàng (handling);Phí mất cân bằng vô (CIC);Phí xếp dỡ tại cảng (THC);Vệ sinh cont;				
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG NHAP	388	1311	492,200	
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG NHAP	389	1311	4,922,000	
			Thuế GTGT đầu ra	390	33311		492,200
			Doanh thu cung cấp dịch vụ_ ĐLTB (Container)	391	5113		4,922,000
10/12	BC_1207	10/12	TT HD 0003062/63/64/65				
			Tiền gửi NH tiền Việt Nam - ACB-THU	139	1121	399,038,239	
			Phải thu của khách hàng - VND HP-HANG NHAP	141	1311		399,038,239
31/12	GBC8636	31/12	Nhận lãi tiền gửi	142	112	462,541	
			Nhận lãi tiền gửi	143	515		462,541
31/12	PT_1204	31/12	Hoàn ứng (Lô 112826)				
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP	145	1111	4,000,000	
					1121		4,000,000
31/12	PC_1238	31/12	Tạm ứng (Lô Nganha201512)				
			Tiền mặt tại quỹ VND - HP	302	1111		280,000,000
					1121	280,000,000	
...
Tổng cộng:						113,271,202,764	113,271,202,764

- Số này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.19).

Biểu số 2.19. Trích sổ cái TK515

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515

Năm 2017

Tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

đvt: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			515					
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...
31/12/17	GBC8636	31/12/17	Nhận lãi tiền gửi Tháng 12			112		462,541
31/12/17	PKT29	31/12/17	Kết chuyển doanh thu, thu nhập			911	51,745,462	
			Cộng lũy kế từ đầu năm				51,745,462	51,745,462
			Số dư cuối năm					

- Sổ này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

....., ngày 31 tháng . 12 Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Nội dung kế toán doanh thu khác, chi phí khác hoạt tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

Trong năm công ty TNHH SITC logistics Việt Nam không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK711 và TK 811

2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2017, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 01 (Biểu số 2.20) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.20. Phiếu kế toán số 01

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 01

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	1	Kết chuyển doanh thu 5113--> 911	5113	911	7,828,694,927	
		Tổng cộng:			7,828,694,927	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Bảy tỷ tám trăm hai mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lưu Thị Nhân

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2017, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK515 kê toán tiến hành lập phiếu kê toán số 02 (Biểu số 2.21) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.21. Phiếu kê toán số 02

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KÊ TOÁN

Số: 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỬ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	2	Kết chuyển doanh thu 515--> 911	515	911	51,745,462	
		Tổng cộng:			51,745,462	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lưu Thị Nhân

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632 kế toán tiền hành lập phiếu kế toán số 03 (Biểu số 2.22) để kết chuyển chi phí.

Biểu số 2.22. Phiếu kế toán số 03

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 03

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỬ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	03	Kết chuyển giá vốn 6323 -> 9111	9111	6323	6,279,613,548	
Tổng cộng:					6,279,613,548	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Sáu tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm mười ba ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhàn

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 04 (Biểu số 2.23) để kết chuyển chi phí.

Biểu số 2.23. Phiếu kế toán số 04

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 04

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	04	Kết chuyển CP quản lý doanh nghiệp 642 -- > 911	911	642	560,417,643	
Tổng cộng:					560,417,643	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Năm trăm sáu mươi triệu bốn trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lưu Thị Nhân

Biểu số 2.24. Phiếu kế toán số 5

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 05

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỬ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	5	Chi phí thuế TNDN	821	3334	208,081,840	
Tổng cộng:					208,081,840	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai trăm linh tám triệu tám mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 06

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỬ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	6	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	208,081,840	
Tổng cộng:					208,081,840	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Hai trăm linh tám triệu tám mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi đồng

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Biểu số 2.25. Phiếu kế toán số 7

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 07

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số		Nợ	Có		
31/12/17	07	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	832,327,358	
		Tổng cộng:			832,327,358	

Cộng thành tiền (bằng chữ): Tám trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi tám đồng.

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu*(Ký, họ tên)*

Vũ Quang Phúc

Kế toán trưởng*(Ký, họ tên)*

Lưu Thị Nhân

Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Phát sinh	
	Số hiệu	Ngày		Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	Nợ	Có	1	2
...
31/12	PKT01	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		7,828,694,927	
					911		7,828,694,927
31/12	PKT02	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		51,745,462	
					911		51,745,462
31/12	PKT03	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		6,279,613,548	
					632		6,279,613,548
31/12	PKT04	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911		560,417,643	
					642		560,417,643
31/12	PKT05	31/12	Chi phí thuế TNDN	821		208,081,840	
					3334		208,081,840
31/12	PKT06	31/12	K/c Chi phí thuế TNDN	911		208,081,840	
					821		208,081,840
31/12	PKT07	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		832,327,358	
					421		832,327,358
...
			Tổng cộng:			113,271,202,764	113,271,202,764

- Số này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2017

Tên tài 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			911 - Xác định kết quả kinh doanh					
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/17	PKT01	31/12/17	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		7,828,694,927
31/12/17	PKT02	31/12/17	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		51,745,462
31/12/17	PKT03	31/12/17	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	6,279,613,548	
31/12/17	PKT04	31/12/17	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			642	560,417,643	
31/12/17	PKT06	31/12/17	Kết chuyển thuế TNDN			821	208,081,840	
31/12/17	PKT07	31/12/17	Kết chuyển kết quả kinh doanh			421	832,327,358	
...
			- Cộng số phát sinh trong kỳ				7,880,440,389	7,880,440,389
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12. Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

(Nguồn: Phòng kế toán tại Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.)

Biểu số 2.28. Trích sổ cái TK 821

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Năm 2017

Tên tài 821 - Thuế TNDN

đvt: vnd

Ngày th áng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			821 - Thuế TNDN					
			- Số dư đầu năm					
31/12/17	PKT06	31/12/17	Thuế TNDN phải nộp			3334	208,081,840	
31/12/17	PKT06	31/12/17	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911		208,081,840
			Cộng lũy kế				208,081,840	208,081,840
			Số dư cuối kỳ					

- Số này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12. Năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

Biểu số 2.29. Trích sổ cái TK 421

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014 /TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2017

Tên tài 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

đvt: vnd

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NCK		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	G	1	2
1	2	3	4	5	6	7	8	9
421 - Lợi nhuận chưa phân phối								
<u>Số dư đầu năm</u>								
31/12/17	PKT07	31/12/17	Lợi nhuận sau thuế năm 2017			911		832,327,358
<u>Cộng lũy kế</u>								
<u>Số dư cuối kỳ</u>								

- Sổ này có {PageCount} trang, đánh số từ trang số 1 đến trang {PageCount}

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 Tháng 12. Năm 2017

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lưu Thị Nhân

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mao Wen Wen

Biểu số 2.30: Báo cáo kết quả kinh doanh

CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM

P420A, TD Business Center, Lô 20A, Lê Hồng Phong, Q.Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2017

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		7,828,694,927	7,926,356,868
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		7,828,694,927	7,926,356,868
4	Giá vốn hàng bán	11		6,279,613,548	6,302,154,632
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,549,081,379	1,624,202,236
6	Doanh thu hoạt động TC	21		51,745,462	51,865,142
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý kinh doanh	24		560,417,643	658,692,655
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1,040,409,198	1,017,374,723
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,040,409,198	1,017,374,723
15	Thuế TNDN hiện hành	51		208,081,840	203,474,945
16	Thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		832,327,358	813,899,778
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Vũ Quang Phúc

Lưu Thị Nhân

Mao Wen Wen

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH SITC LOGISTICS VIỆT NAM****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu,
chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH SITC
Logistics Việt Nam.****3.1.1. Ưu điểm**

- Về bộ máy tổ chức kế toán:
 - + Bộ máy tổ chức kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán tổ chức quy củ, có kế hoạch, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.
- Về hạch toán ghi sổ:
 - + Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ
- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:
 - + Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu
 - + Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.
 - + Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế

- Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở

phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán.

– Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

– Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+ Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

+ Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

– Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam.

Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí

Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, kiến nghị công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.3) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.4).

Biểu 3.3. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:		Mã số: S16-DN							
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)							
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tháng....Năm....									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày ... tháng ... năm				
- Ngày mở sổ: ... Người ghi sổ (Ký, họ tên)					Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Giám đốc (Ký, họ tên)	

Biểu 3.3:

Đơn vị: Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam					Mã số: S35-DN				
Địa chỉ: P.402A, TD-Business Center, Lô 20A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng.					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm: Phí CIC									
Năm 2017									
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
...
31/12	HD 0001857	31/12	Phí mất cân bằng vở (CIC)	131	1	5,505,800	5,505,800		
...
			Cộng số phát sinh				161,896,368		
			Giá vốn hàng bán				126,628,417		
			Lãi gộp				35,267,951		
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày ... tháng ... năm				
- Ngày mở sổ: ...									
Người ghi sổ (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Giám đốc (Ký, họ tên)				

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 632 (như biểu số 3.4) tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở sổ chi tiết bán hàng

Biểu số 3.4 Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:		Mẫu số S36-DN								
Địa chỉ:		(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)								
<p>SỔ CHI PHÍ KINH DOANH (Dùng cho các TK 154, 631, 642, 632...) Tài khoản: Tên sản phẩm dịch vụ:</p>										
NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang... Ngày mở sổ: ...										
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Ngày ... tháng ... năm... Kế toán trưởng (Ký, họ tên)						

Biểu số 3.4

Đơn vị: Công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam				Mẫu số S36-DN			
Địa chỉ: P.402A, TD-Business Center, Lô 20A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng.				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
SỔ CHI PHÍ KINH DOANH							
Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp							
Số hiệu TK: 642							
Tên sản phẩm dịch vụ: Chi phí dịch vụ mua ngoài.							
<i>Loại tiền: VNĐ</i>							
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 6427		
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1		
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...
15/12	PC_1206	15/12	Đồ dùng văn phòng phẩm	111	1	1,990,000	1,990,000
...
			Cộng số phát sinh				154,631,253
			Số dư cuối kỳ				
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...							
Ngày mở sổ: ...				Ngày ... tháng ... năm...			
Người ghi sổ (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức đã học ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Cô giáo, Th.s Trần Thị Thanh Thảo** – Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Bài viết đã đạt kết quả nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty như:

- Về lý thuyết: Hệ thống hóa doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về thực tế: Mô tả chi tiết kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SITC Logistics Việt Nam năm 2017.
- Trên cơ sở đánh giá ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bài viết đưa ra 1 số kiến nghị sau:

- Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán.
- Hạch toán chi tiết doanh thu- chi phí.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018

Sinh viên

Vũ Thị Thùy Dương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.